

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
					Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)							
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng			
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)									
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
18	Trần Văn Thông	Nam Xuân	Nam Xuân	042059011580	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300		
19	Võ Văn Bằng	Nam Xuân	Nam Xuân	042088016787	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,100		
20	Hồ Văn Nhưong	Nam Xuân	Nam Xuân	042057011543	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
21	Đặng Đình Trị	Nam Xuân	Nam Xuân	042076004176	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
22	Nguyễn Thị Trúc	Nam Xuân	Nam Xuân	042162013849	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
23	Nguyễn Xuân Dục	Nam Xuân	Nam Xuân	042066002885	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
24	Phạm Hữu Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	042059005044	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
25	Hồ Thị Phương	Nam Xuân	Nam Xuân	042185010129	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
26	Nguyễn Thị Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	042167002522	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,100		
27	Hồ Văn Cường	Nam Xuân	Nam Xuân	042187012316	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
28	Nguyễn Thị Hải	Nam Xuân	Nam Xuân	042176008868	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
29	Hồ Xuân Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	042055007676	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
30	Đào Thị Hòa	Nam Xuân	Nam Xuân	042161009997	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
31	Nguyễn Hồng Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	042081008120	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
32	Đặng Đình Phú	Nam Xuân	Nam Xuân	042060003583	-	-	-	-	-	-	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060		
33	Hồ Văn Trinh	Nam Xuân	Nam Xuân	042069004009	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
34	Nguyễn Trung Hậu	Nam Xuân	Nam Xuân	042071003485	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
35	Hồ Văn Đức	Nam Xuân	Nam Xuân	042070004485	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
36	Nguyễn Thị Duyên	Nam Xuân	Nam Xuân	042177004302	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
37	Kiều Nhật Quảng	Nam Xuân	Nam Xuân	042064003826	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
38	Nguyễn Thị Tuyết	Nam Xuân	Nam Xuân	042160013848	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
39	Nguyễn Văn Viêm	Nam Xuân	Nam Xuân	042062014129	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
40	Hồ Văn Đình	Nam Xuân	Nam Xuân	042080014428	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
41	Hồ Văn Tinh	Nam Xuân	Nam Xuân	042083003556	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
42	Dương Kim Diên	Nam Xuân	Nam Xuân	042094001845	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
43	Nguyễn Văn Viết	Nam Xuân	Nam Xuân	042080003027	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
44	Nguyễn Bá Thọa	Nam Xuân	Nam Xuân	042045003943	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
45	Phạm Thị Vân	Nam Xuân	Nam Xuân	042193008095	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
46	Kiều Thị Lan	Nam Xuân	Nam Xuân	042165002922	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
47	Ngô Xuân Lịch	Nam Xuân	Nam Xuân	042064015776	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
48	Nguyễn Văn Thanh	Nam Xuân	Nam Xuân	042060003597	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
49	Nguyễn Quang Vinh	Nam Xuân	Nam Xuân	042065002720	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
50	Vũ Ngọc Hưng	Nam Xuân	Nam Xuân	042074017954	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
51	Kiều Nhật Toàn	Nam Xuân	Nam Xuân	042062006785	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
52	Võ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	042095001809	-	-	-	-	0,150	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,250		
53	Nguyễn Thị Hường	Nam Xuân	Nam Xuân	042167002521	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
54	Nguyễn Thị Liệu	Nam Xuân	Nam Xuân	042157005069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300		
			Nam Xuân Total		-	0,040	-	-	0,150	-	1,223	-	-	-	-	0,100	-	-	0,080	-	-	28,410		
1	Nguyễn Đình Định	Trung Xuân	Trung Xuân	042063997746	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
2	Hồ Công Chúng	Trung Xuân	Trung Xuân	042065008131	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
3	Đặng Văn Ngọc	Trung Xuân	Trung Xuân	04206300357	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
4	Lê Văn Cửu	Trung Xuân	Trung Xuân	042069003336	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,237	-	-	2,368		
5	Lê Văn Tinh	Trung Xuân	Trung Xuân	042068007294	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,165	-	-	-	-	-	-	-	0,825		
6	Đặng Thị Tiến	Trung Xuân	Trung Xuân	042173004401	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
7	Nguyễn Thị Trung	Trung Xuân	Trung Xuân	042186010785	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
8	Đặng Quốc Tuyền	Trung Xuân	Trung Xuân	042059903194	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,050	-	-	0,800		
9	Nguyễn Tiến Rường	Trung Xuân	Trung Xuân	042052004196	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,100	3,250		
10	Phan Công Châu	Trung Xuân	Trung Xuân	042068008922	-	0,050	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700		
11	lê Văn Hòa	Trung Xuân	Trung Xuân	042072017372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,100		
12	Lê Văn Nghiên	Trung Xuân	Trung Xuân	042066013178	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	6,300		
13	Nguyễn thi Hào	Trung Xuân	Trung Xuân	042167006982	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
14	Nguyễn Ngọc Diệp	Trường Xuân	Trung Xuân	042080016289	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500		
15	Nguyễn Văn Mé	Trung Xuân	Trung Xuân	042051003728	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	1,500		

[illegible][illegible]

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

T.T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Mức thiệt hại <i>< 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)</i>	Thiệt hại lúa gieo trồng <i>>45 ngày (sau phúc tra)</i>	Thiệt hại cây năng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)			Lúa			Thiệt hại cây năng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)			Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
							Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng <i>>45 ngày (sau phúc tra)</i>	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
37	Võ Thị Tuyên	Văn Thanh	Thanh Sơn	042162013246	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	1,750			
38	Bùi Văn Nho	Văn Thanh	Thanh Sơn	042079007600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	1,000			
39	Lê Thị Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	042168006014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	0,300			
40	Lê Văn Cẩm	Văn Thanh	Thanh Sơn	042078011530	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	1,250			
41	Chu Thị Ngoạt	Văn Thanh	Thanh Sơn	042158013020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,081	-	-	-	-	-	-	0,405			
42	Nguyễn Tiến Đức	Văn Thanh	Thanh Sơn	042076002589	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,750			
43	Bùi Văn Hải	Văn Thanh	Thanh Sơn	042065010221	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,053	-	-	-	-	-	-	0,263			
44	Trần Thị Bình	Văn Thanh	Thanh Sơn	042178013555	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,576	-	-	-	-	-	-	2,880			
45	Nguyễn Thị Kỳ	Văn Thanh	Thanh Sơn	042163016563	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,170	-	-	-	-	-	-	0,848			
46	Nguyễn Tiến Hiệp	Văn Thanh	Thanh Sơn	042060015433	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750	-	-	-	-	-	-	3,750			
47	Đặng Thị Nguyễn	Văn Thanh	Thanh Sơn	042164014162	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,053	-	-	-	-	-	-	0,265			
48	Trần Thị Nhung (Hong Nhung)	Văn Thanh	Thanh Sơn	042183007481	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	0,375			
49	Nguyễn Thị Đường	Văn Thanh	Thanh Sơn	042169016652	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,202	-	-	-	-	-	-	1,011			
50	Nguyễn Tiến Việt (Văn Việt)	Văn Thanh	Thanh Sơn	042058006792	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,178	-	-	-	-	-	-	0,890			
51	Lê Quốc Việt	Văn Thanh	Thanh Sơn	042059010360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,065	-	-	0,389			
52	Nhuyễn Hải Đường	Văn Thanh	Thanh Sơn	042064015055	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,094	-	-	0,566			
53	Nguyễn Thị Hồng Minh	Văn Thanh	Thanh Sơn	042163014949	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,300			
54	Lê Khánh Châu	Văn Thanh	Thanh Sơn	042047000302	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,025	-	-	0,150			
55	Nguyễn Văn Sơn	Văn Thanh	Thanh Sơn	042066007854	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,022	-	-	0,130			
			Thanh Sơn Total		-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,544	-	-	-	0,326	0,050	-	80,174			
1	Hoàng Trọng Hời	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042083013841	-	-	-	-	-	-	0,100	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	14,000			
2	Hoàng Văn Nghi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042076014484	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	2,250			
3	Hoàng Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042069011551	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	2,250			
4	Lê Minh Huệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042063009402	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,480	-	-	0,100	-	4,150			
5	Nguyễn Hồng Quế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042064006402	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000			
6	Nguyễn Huy Hồng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042068011322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,300	-	4,000			
7	Nguyễn Khắc Kính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042068011280	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	1,680			
8	Nguyễn Tiến Nghệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042082008046	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	1,250			
9	Nguyễn Thị Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042158006011	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,750			
10	Nguyễn Thị Chung	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042171016956	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	1,000			
11	Nguyễn Thị Núi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042178009850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	0,100	-	-	-	-	1,000			
12	Nguyễn Văn Liên	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042078006108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	1,125			
13	Nguyễn Văn Loanh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042057007853	-	-	0,600	-	-	-	0,200	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	9,350			
14	Nguyễn Văn Ngà	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042061004914	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,000			
15	Nguyễn Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042079006972	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,100	-	1,500			
16	Trần Thị Thúy	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042174011932	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	0,500			
17	Trương Văn Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042076015539	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
18	Lê Trọng Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042056011284	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	0,500	-	6,250			
19	Nguyễn Thị Loài	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042157006112	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,200			
20	Nguyễn Văn Chí	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042081007928	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300			
21	Nguyễn Việt Phùng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042072013487	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,500			
22	Nguyễn Thị Hợp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042164016789	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
23	Hoàng Đình Chế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042051004089	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
			Bắc Sơn Total		-	-	0,600	0,200	-	0,115	0,850	0,410	-	2,400	-	1,030	0,150	-	1,050	-	65,055			
1	Nguyễn Thị Xoan	Văn Thanh	Sa Xá	042188011758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,205	-	-	-	-	-	0,082	2,263			
2	Nguyễn Thị Lan	Văn Thanh	Sa Xá	042154004163	-	0,005	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050			
3	Lê Thị Bá	Văn Thanh	Sa Xá	042157004084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,320	-	-	-	-	0,020	-	1,798			
4	Trần Thị Phong	Văn Thanh	Sa Xá	042159013938	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	0,400			

[illegible][illegible]

[illegible][illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
																					(ha)			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
21	Phạm Thị Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	044188009261	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
22	Nguyễn Hải Đăng(Nguyễn Thắng)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042057008924	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
23	Nguyễn Tiên Hải(Ng. Ủy-Tr. Lưu)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042074017755	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,545	-	-	-	-	-	-	-	2,725		
24	Nguyễn Thị Toàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042149005626	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
25	Nguyễn Văn Sau	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042047004647	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900		
26	Nguyễn Văn Sáu(Ng. Thế Phong-Phú)	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042061005544	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,392	-	-	-	-	-	-	-	1,960		
27	Nguyễn Thị Lộc	Văn Mỹ	Hoà Hợp	040162016773	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,225	-	-	-	-	0,050	-	-	1,625		
28	Trần Xuân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042076014874	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,164	-	-	-	-	-	-	-	0,820		
29	Nguyễn Trung Kiên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042076012869	-	0,100	-	-	-	0,024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,288		
30	Lê Thị Thanh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042153004817	-	0,250	-	-	-	0,002	0,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,551		
31	Nguyễn Văn Thu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042075012917	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
32	Trần Công Thụ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042080014753	-	0,200	-	-	-	0,003	0,003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,102		
33	Nguyễn Tiên Hằng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042079014562	-	0,350	-	-	-	0,032	-	0,032	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,844		
34	Nguyễn Văn bác	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042079015995	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000		
35	Nguyễn Hữu Khánh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042054007818	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
36	Lê Thị Tinh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042165007110	-	0,320	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,200		
37	Võ Hùng Phi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042087008932	-	0,196	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,960		
38	Nguyễn văn Phương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042084009322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950		
39	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Hoà Hợp	04217201313	-	0,280	-	-	0,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,130		
40	Trần Thái Lan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042060007763	-	-	-	0,041	-	0,041	-	0,041	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	3,632		
41	Hà Văn Tú	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042086011173	-	-	-	-	-	0,001	-	-	0,001	0,164	-	-	-	-	-	-	-	0,868		
42	Võ Công Hạnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042067001084	-	0,550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,500		
43	Nguyễn Văn Dành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042060016069	-	0,520	-	0,045	-	0,016	0,016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,162		
44	Trần Thị Nóng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042176010177	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,500		
45	Võ Xuân Hòe	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042062012535	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	0,004	-	1,960		
46	Nguyễn Hữu Đặng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042059009979	-	0,340	-	-	-	0,020	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,240		
47	Lê Hồng Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042065001221	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	0,290	-	-	-	-	0,006	-	-	1,810		
48	Lê Thanh Chương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042059010313	-	-	-	-	-	0,010	-	0,008	-	0,290	-	-	-	-	-	-	-	1,805		
49	Lê Văn Cảnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042081010079	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700		
50	Võ Văn Quế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042072021086	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,280	-	-	-	-	-	-	-	1,400		
51	Võ Văn Tý	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042060009920	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,25	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
52	Đặng Thị Liên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042166009187	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,030	0,350	-	-	-	-	-	-	-	3,910		
53	Phạm Thị bá	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042152006869	-	-	-	-	-	0,002	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,279		
54	Lê Văn Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042064008444	-	-	-	-	-	0,005	-	-	0,005	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,360		
55	Võ Đình Tứ	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042062006473	-	-	-	-	-	0,042	-	-	0,042	0,450	-	-	-	-	-	-	-	5,274		
56	Trần Thị Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042146005040	-	-	-	0,008	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,830		
57	Trần Xuân Luy	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042065007286	-	-	-	-	-	0,050	0,050	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	3,100		
58	Lê Văn Thịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042092021086	-	0,024	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,240		
59	Nguyễn Thị Tư	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042164015880	-	-	-	-	-	0,008	0,008	-	-	0,270	-	-	-	-	-	-	-	1,606		

(2) Γ_1 and Γ_2 are not necessarily GCD and Γ_1 is not necessarily prime.

[illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng				
																						(ha)			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
60	Nguyễn Thị Quỳnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042187019406	-	0,153	-	-	-	0,001	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,544			
61	Nguyễn Văn Linh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042072013255	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500			
62	Lê Hồng Anh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042062008799	-	-	-	-	-	0,110	0,110	-	-	0,340	-	-	-	-	-	-	-	5,220			
63	Trần Thanh Huy	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042058005672	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
64	Nguyễn Văn Kiêm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042037004710	-	-	-	-	-	0,005	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,660			
65	Trần Đình Chiến	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042053008890	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,153	-	-	-	-	-	-	-	0,765			
66	Trần Văn Thơi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042053007129	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,500			
67	Nguyễn Tiến Dũng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042056009115	-	-	-	-	-	0,028	-	-	0,028	0,270	-	-	-	-	-	-	-	3,366			
68	Võ Xuân Mân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042073013534	-	0,500	-	-	-	0,044	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,528			
69	Đào Thị Hương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042154009229	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650			
70	Võ Thị Minh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042163007934	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,500			
71	Dương Thị Chắt	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042133002764	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,730			
72	Võ Thị Toàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042152010313	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,300			
73	Nguyễn Tiến Tùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042089008113	-	0,057	-	-	-	0,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,594			
74	Nguyễn Văn Lương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042091018667	-	0,159	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,590			
75	Lê Thị Tuấn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042190009651	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,113	-	-	-	-	-	-	-	0,565			
76	Lê Công Thiêng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042054007529	-	0,405	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,650			
77	Trần Văn Cảnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042075016030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
78	Nguyễn Văn Long	Văn Mỹ	Hoà Hợp	04207300604	-	0,420	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	6,700			
79	Nguyễn Văn Giai	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042051002830	-	0,364	-	-	-	0,074	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,533			
80	Dương Thị Liệu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042144003809	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
81	Nguyễn Trung Dũng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042053007647	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,256	-	-	-	-	-	-	-	1,280			
82	Nguyễn Văn Thế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042079010265	-	0,119	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,190			
83	Phan Văn Phu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042053004999	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,260	-	-	-	-	-	-	-	2,800			
84	Chu Thị Linh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042166011214	-	0,270	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,300			
85	Lê Ngọc Sơn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042052009546	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,196	-	-	-	-	-	-	0,151	6,002			
86	Nguyễn Văn Hoàn	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042086006536	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400			
87	Võ Xuân Đào	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042070016456	-	-	-	0,150	-	0,600	-	-	0,500	0,350	-	-	-	-	-	-	-	40,450			
88	Nguyễn Văn quế	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042075011458	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
89	Nguyễn thanh Bình	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042069009510	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
90	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042060016209	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,219	-	-	-	-	-	-	-	1,095			
91	Trần Cong Hữu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042089010671	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
92	Nguyễn Hữu Cản	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042081014324	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
93	Nguyễn Đức Trạch	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042087007024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,173	-	-	-	-	-	-	-	0,865			
94	Trần Đình Thê	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042059006194	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
95	Phan Văn Vinh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042058005959	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,032	3,960			
96	Trần Thị Lê	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042167009840	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,700			
97	Phạm Thị Liên	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042172018106	-	0,268	-	0,002	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,700			
98	Đặng Thị Xuân	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042165007972	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	2,750			
99	Nguyễn Tấn Thành	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042064007765	-	-	-	-	-	0,012	0,012	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,384			
100	Võ Xuân Dương	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042062010057	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,400			
101	Nguyễn Thị Nhung	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042164013871	-	-	-	-	-	0,024	0,024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,768			
102	Dương Thị Tịnh	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042176011654	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,600			
103	Dặng Văn Huyền	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042052004032	-	-	-	-	-	0,105	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,260			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiết hại trên 70% diện tích								Thiết hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) 28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*25 tr.đ	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
							Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
104	Nguyễn thị Đèo	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042148008572	-	-	-	-	-	0,022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	3,264		
105	Trần Công Dợi	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042059007192	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,200		
106	Phạm Thị Hoài	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042150011748	-	-	-	-	-	0,005	-	-	-	-	-	-	-	0,003	-	-	-	0,078		
107	Trần Thị Loan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042135002427	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,420	-	6,300		
108	Nguyễn thị Hồng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042153004303	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,900		
109	Võ Hoài Nam	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042063009259	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	1,500		
110	Lê Văn Hùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042064013389	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	-	-	-	-	0,008	-	-	-	0,230		
			Hoà Hợp Total		-	11,465	-	0,729	-	2,381	0,305	0,101	0,606	12,521	-	-	-	0,161	0,262	0,924	0,183	282,764		
1	Võ Văn Xuân	Tây Xuân	Bắc Xuân	042066002884	-	0,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330		
			Bắc Xuân Total		-	0,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330		
1	Dương Văn Phức	Đồng Văn	Văn Lạc	042062005417	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
2	Dương Văn Lâm	Đồng Văn	Văn Lạc	042071007977	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,223	-	-	-	-	-	-	-	1,115		
3	Lương Văn Tam	Văn Lạc	Văn Lạc	042063008230	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
4	Dương Văn Đức	Văn Lạc	Văn Lạc	042070009014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,135	-	-	-	-	-	-	-	0,675		
5	Nguyễn Mậu Khát	Văn Lạc	Văn Lạc	042055004935	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
6	Hoàng Văn Được	Văn Lạc	Văn Lạc	042062012077	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,253	-	-	-	-	-	-	-	1,265		
7	Đặng Văn Tào	Văn Lạc	Văn Lạc	042080008463	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,009	-	-	0,090		
8	Lê Văn Đình	Văn Lạc	Văn Lạc	042072020497	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,298	-	-	-	-	-	-	-	1,490		
9	Phan Công Thương	Văn Lạc	Văn Lạc	042078005764	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,150		
10	Nguyễn Thị Huyền.	Văn Lạc	Văn Lạc	042176004906	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
11	Nguyễn Thị Lành	Văn Lạc	Văn Lạc	042176017454	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
12	Dương Thị Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	042176017588	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,298	-	-	-	-	-	-	-	1,490		
13	Hoàng Hữu	Văn Lạc	Văn Lạc	042183015680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,153	-	-	-	-	-	-	-	0,765		
14	Nguyễn Văn Hùng	Văn Lạc	Văn Lạc	042066013370	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
15	Lê Văn Hiến	Văn Lạc	Văn Lạc	042073014271	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,777	-	-	-	-	-	-	-	3,885		
16	Phan Công Thắm	Văn Sơn	Văn Lạc	042083009906	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	0,800		
17	Lương Văn Liệu	Văn Lạc	Văn Lạc	042053006142	-	0,296	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,360		
18	Nguyễn Mậu Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	042076018985	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
19	Dương Công Hoàn	Văn Lạc	Văn Lạc	042060012777	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	0,030	-	-	-	-	-	1,150		
20	Tương Đức Thiện	Văn Lạc	Văn Lạc	042089017208	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	0,345		
21	Đinh Văn Trinh	Văn Sơn	Văn Lạc	042067008273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,160	-	-	-	-	-	-	-	0,800		
22	Đặng Đình Long	Văn Lạc	Văn Lạc	042073014565	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,086	-	-	-	-	-	-	-	0,430		
23	Đinh Văn Lành	Văn Sơn	Văn Lạc	042073012253	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	0,700		
24	Nguyễn Anh Nhật.	Văn Lạc	Văn Lạc	042086006572	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350		
25	Lương Văn Kỳ	Văn Lạc	Văn Lạc	042065007085	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
26	Nguyễn Văn Mến	Văn Lạc	Văn Lạc	042074008982	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,043	-	-	-	-	-	0,215		
27	Đào Thị Anh	Văn Lạc	Văn Lạc	042301013167	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
28	Dương Văn Chiêu	Văn Lạc	Văn Lạc	042076014328	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375		
29	Hoàng Xuân Tú	Văn Lạc	Văn Lạc	042088003978	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
30	Nguyễn Đình Lương	Văn Lạc	Văn Lạc	042056010514	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,950		
31	Dương Văn Ngụ	Văn Lạc	Văn Lạc	042087010080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
32	Nguyễn Mậu Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	042054011463	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
33	Lê Quốc Hương	Văn Lạc	Văn Lạc	042069008856	0,250	-	-	-	-	-	0,013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,260		
34	Nguyễn Ngọc Dũng	Văn Lạc	Văn Lạc	042087001759	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
35	Dương Văn Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	042046005035	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
36	Dương Thanh Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	042078009619	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,020	-	-	-	-	1,150		
37	Lê văn Bốn	Văn Lạc	Văn Lạc	042063009703	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	-	-	1,700		
38	Nguyễn Mậu Ích	Văn Lạc	Văn Lạc	042057006282	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,465	0,050	-	-	-	-	0,016	-	2,715		
39	Nguyễn Mậu Hào	Văn Lạc	Văn Lạc	042066009916	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,240	-	0,072	-	-	-	-	-	1,560		
40	Nguyễn Văn Tinh	Văn Lạc	Văn Lạc	042076010982	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,114	-	-	-	-	-	-	-	0,570		
41	Lê Thị Công	Văn Lạc	Văn Lạc	042170010389	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	0,030	1,450		
42	Nguyễn Văn Hiệu	Văn Lạc	Văn Lạc	042076015521	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,050	1,500		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiết hại trên 70% diện tích								Thiết hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)							
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng			
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)						
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
43	Dương Ngọc Toàn	Văn Lạc	Văn Lạc	042044003221	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,220	-	-	-	-	-	-	-	1,100		
44	Nguyễn Mậu Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	042064004471	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
45	Phan Thị Khuê	Văn Lạc	Văn Lạc	042158008334	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
46	Hoàng Thị Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	042173008454	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,171	-	-	-	-	-	-	-	0,855		
47	Nguyễn Văn Lạc	Văn Lạc	Văn Lạc	042049003510	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
48	Nguyễn Mậu Phảng	Văn Lạc	Văn Lạc	042048004639	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
49	Nguyễn Thị Lũy	Văn Lạc	Văn Lạc	042176013411	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
50	Lê Xuân Phú	Văn Lạc	Văn Lạc	042052007927	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
51	Hà Văn Anh	Văn Lạc	Văn Lạc	042057006132	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180	-	-	-	-	-	-	-	0,900		
52	Dương Tấn Tài	Văn Lạc	Văn Lạc	042074019326	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,307	-	-	-	-	-	-	-	1,535		
53	Dương Tuấn	Văn Lạc	Văn Lạc	042057005797	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
54	Hà Văn Cử	Văn Lạc	Văn Lạc	042069009997	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
55	Lê Văn Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	042074007713	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
56	Lê Văn Kỳ	Văn Lạc	Văn Lạc	042064014192	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
57	Lê Văn Mong	Văn Lạc	Văn Lạc	042064004471	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
58	Nguyễn Mậu Gia	Văn Lạc	Văn Lạc	042074018989	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
59	Nguyễn Mậu Liên	Văn Lạc	Văn Lạc	042054005630	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
60	Nguyễn Tiến Din	Văn Lạc	Văn Lạc	042072020696	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
61	Lê Văn Cư	Văn Lạc	Văn Lạc	042076015364	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
62	Nguyễn Văn Phúc	Văn Lạc	Văn Lạc	042078009521	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
63	Nguyễn Thị Lành	Văn Lạc	Văn Lạc	042170009171	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
64	Nguyễn Tiến Đạt	Văn Lạc	Văn Lạc	042089010131	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
65	Nguyễn Mậu Tình	Văn Lạc	Văn Lạc	042076015905	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
66	Nguyễn Mậu Sau	Văn Lạc	Văn Lạc	042061007833	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
67	Lương Sỹ Ngo	Văn Lạc	Văn Lạc	042063013700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
68	Dương Nhật Hà	Văn Lạc	Văn Lạc	042082005867	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
69	Tướng Văn Ký	Văn Lạc	Văn Lạc	042066011506	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	2,400		
70	Dương Xuân Cảnh	Văn Lạc	Văn Lạc	042050007382	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000		
71	Hoàng Xuân Sơn	Văn Lạc	Văn Lạc	042047004186	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
72	Hoàng Hoàng	Văn Lạc	Văn Lạc	042080007676	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
73	Trần Xuân Thịnh	Văn Lạc	Văn Lạc	042079010750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350		
74	Nguyễn Thị Vinh	Văn Lạc	Văn Lạc	042155005826	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	1,150		
75	Lê Văn Kiên	Đồng Văn	Văn Lạc	042077008029	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	0,650		
76	Dương Văn Thực	Đồng Văn	Văn Lạc	042060011768	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
77	Dương Văn Nhân	Đồng Văn	Văn Lạc	042060010561	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
78	Tướng Thị Thuật	Đồng Văn	Văn Lạc	042167008783	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,020	-	-	1,200		
79	Dương Ngọc Nông	Văn Lạc	Văn Lạc	042086018101	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
80	Dương Minh Trung	Văn Lạc	Văn Lạc	042082009060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,068	-	-	-	-	-	-	-	0,338		
81	Phan Thanh Hải	Đồng Văn	Văn Lạc	042059009549	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,366	-	-	-	-	-	-	-	1,832		
82	Nguyễn Văn Ước	Văn Sơn	Văn Lạc	042086008803	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	-	0,625		
83	Nguyễn Mậu Trí	Đồng Văn	Văn Lạc	042064009342	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,286	-	-	-	-	-	-	-	1,428		
84	Nguyễn Mậu Sáng	Văn Lạc	Văn Lạc	042080011435	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
85	Lương Văn Trường	Đồng Văn	Văn Lạc	042065006547	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
86	Nguyễn Trung Thành	Đồng Văn	Văn Lạc	042070013280	-	0,140	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400		
87	Lương Xuân Bang	Đồng Văn	Văn Lạc	042066013180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
88	Dương Văn Tinh	Đồng Văn	Văn Lạc	042068012144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,309	-	-	-	-	-	-	-	1,547		
89	Dương Văn Thành	Đồng Văn	Văn Lạc	042074008216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,550	-	-	-	-	-	-	-	2,750		
90	Bùi Thị Hồng	Văn Lạc	Văn Lạc	030175000549	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,052	-	-	-	-	-	-	-	0,260		
91	Đinh Thanh Tân	Văn Lạc	Văn Lạc	042048003188	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,046	0,040	0,010	-	-	-	-	0,413		
92	Nguyễn Văn Lợi	Văn Lạc	Văn Lạc	042047004247	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	0,100		
93	Lê Văn Cư	Văn Lạc	Văn Lạc	042076015364	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
			Văn Lạc Total		0,350	0,736	-	0,100	0,060	-	0,033	-	-	16,470	0,096	0,205	0,030	-	0,029	0,096	-	95,536		

[illegible][illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa		Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa		Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
																						(ha)			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
1	Trương Công Nam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042073006348	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350			
2	Nguyễn Văn Thê	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079013553	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	6,750			
3	Phan Huy Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042069010501	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,100	-	-	1,500			
4	Dương Đình Tuệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042073007419	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	4,000			
5	Trần Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042082016245	-	-	-	-	-	-	0,027	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,540			
6	Đặng Thế Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042080007411	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500			
7	Thái Thị Tĩnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042183012568	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
8	Trương Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042084013805	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	3,250			
9	Nguyễn Như Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042087013830	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
10	Hoàng Đình Dương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042059010081	-	-	-	-	-	-	-	0,055	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,650			
11	Nguyễn Xuân Luyn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042059010225	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	0,100	-	-	1,350			
12	Lê Đình Khang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042055006690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	1,500			
13	Lê Thị Hiền	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042154008463	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
14	Nguyễn Thị Lâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042156007007	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000			
15	Trương Thị Xuân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042159007329	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500			
16	Lê Thị Thân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042157005085	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000			
17	Đoàn Trọng Thành	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042047004585	-	-	-	-	-	-	-	0,380	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,400			
18	Trần Thị Cầu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042147005467	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600			
19	Trần Văn Bắc	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042075013562	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	5,000			
20	Nguyễn Văn Tinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079012524	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,900			
21	Nguyễn Thị Tâm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042165007921	-	-	-	-	0,050	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	4,750			
22	Trần Thị Minh Châu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042154009292	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
23	Đinh Vũ Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079014925	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	0,750			
24	Trần Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042057007130	-	-	-	-	0,080	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,200			
25	Võ Tiến Cường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042056004511	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	3,250			
26	Bùi Cao Thắng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042076020955	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,500			
27	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042180011356	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500			
28	Nguyễn Quang Trung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079007945	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,095	-	-	0,050	-	-	0,975			
29	Lê Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042157012803	-	-	-	0,100	0,100	-	0,200	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	7,325			
30	Nguyễn Thị Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042175011267	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,100	-	-	1,150			
31	Hoàng Văn Hồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042060017346	-	-	-	0,100	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000			
32	Phạm Thị Quý	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042176009606	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500			
33	Phạm Hải Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042054006485	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,500			
34	Đặng Văn Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042085017545	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,750			
35	Bùi Đức Kỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042085018609	-	-	-	0,150	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,400			
36	Nguyễn Trung Dũng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042074009179	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600			
37	Phạm Thị Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042186011731	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
38	Ngô Xuân Nhật	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042082008369	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,200			
39	Nguyễn Thị Vân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042170008203	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	0,030	-	-	0,800			
40	Võ Công Sơn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042080013455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	-	-	10,000			
41	Đặng Văn Hạnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042058005872	-	-	-	0,040	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,400			
42	Thiếu Lâm Minh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042087012783	-	-	-	-	-	-	0,012	0,400	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	12,990			
43	Đinh Quang Niệm	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042035002175	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,050	-	-	6,500			
44	Đặng Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079013560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	0,200	-	3,240			
45	Phạm Anh Tuấn	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042084006465	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
46	Nguyễn Thị Kim Anh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042185008185	-	-	-	-	-	0,100	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600			
47	Đặng Văn Hiếu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	091084011470	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
48	Nguyễn Thị Dung	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042181012892	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,400			
49	Nguyễn Thị Yến	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042159014738	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	0,040	-	-	1,150			
50	Nguyễn Hoài Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042052005888	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiết hại trên 70% diện tích								Thiết hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) 28= 12* 10 tr.đ+20*5 tr.đ +13*6tr.đ+14*10 tr.đ+15*15tr.đ+21*3 tr.đ+25*5+23*7,5tr.đ+16*12 tr.đ+24*6 tr.đ+25*10 tr.đ+18*20 tr.đ+26*10 tr.đ+19*60 tr..đ +27*25 tr.đ	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
51	Nguyễn Như Hường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042061007690	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,000			
52	Nguyễn Kim Hải	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042054008071	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300			
53	Nguyễn Văn Huân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042078008252	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,240			
54	Đoàn Trọng Công	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042078005076	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	1,200			
55	Đinh Quang Hùng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042074017382	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	3,375			
56	Phan Thị Oanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042179012624	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	1,500			
57	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042059009772	-	-	-	-	-	-	0,500	0,310	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	19,600			
58	Chu Văn Quang	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042058005953	-	-	-	0,250	0,150	-	0,200	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,650			
59	Nguyễn Văn Đông	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042058012386	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,000			
60	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042156007226	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,050	-	-	1,625			
61	Nguyễn Tiến Vinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042076010594	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	0,030	-	-	0,390			
62	Nguyễn Việt Kinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042070010485	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
63	Hoàng Nhỏ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042067004549	-	-	-	-	-	-	0,107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,140			
64	Hà Văn Phen	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042065010361	-	-	-	0,050	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	7,250			
65	Hồ Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042174006063	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	0,070	-	-	1,450			
66	Nguyễn Thị Thu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042155009114	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	1,500			
67	Trần Thị Tuyết	Đất Đỏ	Đất Đỏ	040193028786	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
68	Nguyễn Đình Sinh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042056005761	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	6,750			
69	Trần Đức Nghi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042073015262	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
70	Bùi Văn Ân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042061007380	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	1,500			
71	Hoàng Văn Nỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042054005778	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
72	Nguyễn Văn Long	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079006843	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	0,350			
73	Nguyễn Thị Lam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042168006852	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
74	Võ Thành Đồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042076018480	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,750			
75	Lê Thị Xuyên	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042168011343	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
76	Mai Quang Trường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042074017836	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,250			
77	Đoàn Thị Hiền	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042174013214	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,000			
78	Nguyễn Thị Huệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042155009135	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,250			
			Đất Đỏ Total		-	-	-	1,940	0,580	0,120	3,126	2,485	0,200	0,170	0,160	1,085	0,710	-	3,155	0,370	0,050	229,290			
1	Trần Đức Kiên	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078010543	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	1,429			
2	Nguyễn Văn Quân	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042070008845	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,179	-	-	-	0,007	-	-	0,939			
3	Trần Nhật Tú	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066010162	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,040	-	-	1,740			
4	Lê Văn Năm	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042063009487	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	0,500			
5	Lê Đức Lợi	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042082012264	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,250			
6	Phan Thị Minh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042164007885	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	1,600			
7	Nguyễn Thị Khuyên	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042152007567	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	0,250			
8	Ngô Văn Luy	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042043002869	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,010	-	-	0,560			
9	Ngô Văn Lân	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042080012758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,020	-	-	1,120			
10	Nguyễn Văn Hải	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064913656	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,253	-	-	-	-	-	-	1,264			
11	Nguyễn Văn Thảo	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064014377	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,015	-	-	1,090			
12	Phạm Văn Diệu	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052004964	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,169	-	-	-	0,040	-	-	1,086			
13	Đặng Thị Hoa	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042168006921	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,750			
14	Nguyễn Tiến Đức	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042071008563	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,197	-	-	-	0,060	-	-	1,343			
15	Nguyễn Văn Hồng	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066009291	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,035	-	-	-	0,010	-	-	0,235			
16	Lê Khánh Khương	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042057007441	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	0,750			
17	Ngô Văn Nam	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042055004074	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,010	-	-	1,060			
18	Nguyễn Văn Thuận	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042062010182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,050	-	-	1,299			
19	Lê Văn Tầm	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074010330	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,643	-	-	-	-	-	-	3,215			
20	Lê Thị Liêm	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042153008359	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	1,000			
21	Ngô Bá Quyền	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052004843	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,326	-	-	-	0,050	-	-	1,932			
22	Lê Văn Khuyển	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042057008419	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,050	-	-	1,300			
23	Phạm Lành	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042053008906	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,030	-	-	1,680			
24	Trần Tiết	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042059006447	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,050	-	-	0,800			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TT/-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)								
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
25	Nguyễn Thị Hoa	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042177015448	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
26	Đặng Thị Uân	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042149005522	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
27	Trần Xuân Hiệp	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078014305	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,025	-	-	-	0,650			
28	Nguyễn Văn Hữu	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042076021520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,177	-	-	-	-	-	-	-	0,885			
29	Trần Công Mân	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042048003057	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	0,020	-	-	-	2,620			
30	Phan Thị Lan	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042165003939	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,030	-	-	-	0,680			
31	Phan Thị Quý	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042058011218	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
32	Phạm Vũ Lương	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042055004436	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,230	-	-	-	-	-	-	-	1,150			
33	Lê Đức Dương	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042059005554	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750			
34	Ngô Văn Hành	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042085019190	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
35	Trần Văn Thịnh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042071007072	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,050	-	-	-	1,800			
36	Ngô Văn Phương	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042084018808	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
37	Trần Quý Hành	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072018072	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,189	-	-	0,020	-	-	-	-	1,046			
38	Ngô Hữu Thọ	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064015391	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,162	-	-	-	-	-	-	-	0,810			
39	Trần Văn Lộc	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042065006558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,275	-	-	-	-	-	-	-	1,375			
40	Phạm Đình	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042054008028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	0,010	-	-	-	0,710			
41	Nguyễn Hồng Nga	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042156009950	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,187	-	-	0,030	-	-	-	-	1,087			
42	Phạm Vũ Nhi	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072019224	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,238	-	-	0,050	-	-	-	-	1,439			
43	Lê Thị Thanh Huệ	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042157004103	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,022	-	-	-	0,132			
44	Trần Tân	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042055007414	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	0,010	-	-	-	1,310			
45	Nguyễn Văn Bằng	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078006803	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
46	Phan Thị Uy	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042146003864	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,056	-	-	-	-	-	-	-	0,280			
47	Trần Văn An	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042082018003	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,120			
48	Trần Văn Đạt	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042087016012	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,040	-	-	-	1,240			
49	Nguyễn Thông	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042038004730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	-	-	-	0,951			
50	Nguyễn Văn Cảnh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052008815	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,015	-	-	-	0,840			
51	Nguyễn Tiến Nam	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042076020223	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
52	Nguyễn Văn Chế	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042045003146	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
53	Nguyễn Tiến Thành	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072010730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,136	-	-	-	-	-	-	-	0,680			
54	Phạm Vũ Tuấn	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066016211	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	1,050			
55	Trần Quý Tinh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066013506	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,020	-	-	-	0,620			
56	Nguyễn Tiến Vững	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042070015861	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
57	Trần Thị Thuần	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042146002945	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
58	Nguyễn Thị Lý	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042158012025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	0,020	-	-	-	1,120			
59	Nguyễn Thị Năm	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042145004143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
60	Lê Văn Phúc	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042075011720	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,229	-	-	-	0,025	-	-	-	1,293			
61	Trần Tuấn	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042049007719	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,015	-	-	-	0,090			
62	Trần Đình Tử	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042058010269	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,048	-	-	-	-	0,242			
63	Nguyễn Thị Nhung	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042164010258	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
64	Nguyễn Tiến Nhị	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064006217	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,015	-	-	-	0,840			
65	Nguyễn Thị Thuận	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042168010294	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
66	Trần Thị Mai	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042163013971	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
67	Nguyễn Văn Tích	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042069008458	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,305	-	-	-	0,020	-	-	-	1,644			
68	Trần Quang Trung	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074008556	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,020	-	-	-	0,870			
69	Trần Văn Tuế	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042079014804	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
70	Ngô Thị Linh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042167007355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
71	Nguyễn Thị Thìn	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042176009156	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,030	-	-	-	0,680			
72	Nguyễn Văn Thành	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072010730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,075	-	-	-	1,950			
73	Phạm Đa Thề	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042084004376	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
74	Nguyễn Thị Liệu	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042159007707	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,040	-	-	-	0,740			
75	Nguyễn Văn Sanh	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074010137	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,012	-	-	-	0,822			
76	Lê Xuân Toàn	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042062006282	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,010	-	-	-	0,810			
77	Trần Thị Yến	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042147005529	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
78	Trần Đại Nghĩa	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072015341	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	0,060			
79	Phạm Công Thắng	Vân Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042069008689	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,282	-	-	-	0,012	-	-	-	1,483			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiết hại trên 70% diện tích								Thiết hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)								
						Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai				Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
80	Nguyễn Quốc Khánh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042085009838	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
81	Ngô Văn Thuận	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042085010332	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
82	Phùng Thị Huân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042158007014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,020	-	-	-	0,620			
83	Dương Thị Viết	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042151003067	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
84	Lê Văn Thái	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042095005714	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,005	-	-	-	0,780			
85	Phạm Vũ Tiến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042083016490	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,197	-	-	-	-	-	-	-	0,985			
86	Nguyễn Xuân Tý	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042058007122	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	0,013	-	-	-	1,578			
87	Lê Văn Trạch	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042058012604	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,040	-	-	-	0,740			
88	Ngô Thị Linh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042167007355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
89	Ngô Thanh Tân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042088019061	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250			
90	Nguyễn Văn Hiệp	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042079009974	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,084	-	-	-	1,254			
91	Lê Hồng Lương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052007441	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,002	-	-	-	0,762			
92	Hoàng Thị Xinh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042158006671	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,850			
93	Ngô Xuân Hữu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042054008122	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	0,050	-	-	-	1,050			
94	Ngô Văn Thu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042080013717	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
95	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042163015127	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,005	-	-	-	0,030			
96	Phạm Vũ Tài	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042062006835	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,120			
97	Trần Văn Anh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042067004723	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,120			
98	Bùi Thị Quế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042166013069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300			
99	Trần Thị Thắm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042194017745	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	0,060			
100	Đặng Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042081006871	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	0,060			
101	Phạm Vũ Hường	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042047005007	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,035	-	-	-	0,210			
102	Nguyễn Văn Hà	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042049007208	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300			
103	Trần Thị Huân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042138004614	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	1,000			
			Nam Mỹ Lợi Total		-	-	-	-	-	0,140	-	-	-	15,675	-	0,148	-	1,472	0,100	-	-	90,627			
1	Lê Quý Hạnh	Đất Đỏ	Trung Sơn	Đi nước ngoài	-	-	-	-	-	-	0,090	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,800			
2	Lê Văn Giáo	Đất Đỏ	Trung Sơn	042069013084	-	-	-	0,231	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,364			
3	Nguyễn Thị Mỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	042153006208	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300			
4	Nguyễn Mậu Thát	Đất Đỏ	Trung Sơn	042058018002	-	-	-	-	-	-	0,268	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,360			
5	Đặng Văn Quân	Đất Đỏ	Trung Sơn	042063009430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,024	-	-	-	-	-	-	-	0,121			
6	Lê Xuân Ngu	Đất Đỏ	Trung Sơn	042066015931	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,250			
7	Võ Xuân Lâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	042080014902	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	1,500			
8	Võ Văn Thọ	Đất Đỏ	Trung Sơn	042083007587	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
9	Nguyễn Văn Túy	Đất Đỏ	Trung Sơn	042049004808	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,200			
10	Hoàng Văn Văn	Đất Đỏ	Trung Sơn	042058008004	-	-	-	0,283	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,829			
11	Lê văn Sứ	Đất Đỏ	Trung Sơn	042062014786	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	2,000			
12	Trần Quốc Lập	Đất Đỏ	Trung Sơn	042084018867	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000	50,000			
13	Nguyễn Nuôi	Đất Đỏ	Trung Sơn	042059011104	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	10,500			
14	Phạm Văn Hiếu	Đất Đỏ	Trung Sơn	042058007907	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,500			
15	Nguyễn Văn Sy	Đất Đỏ	Trung Sơn	042068009325	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
16	Nguyễn Thị Tơ	Đất Đỏ	Trung Sơn	042166006797	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	0,200	-	1,000	32,500		
17	Nguyễn Thế Cường	Đất Đỏ	Trung Sơn	042073012743	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	4,500		
18	Nguyễn Văn Tài	Đất Đỏ	Trung Sơn	042082016701	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,425		
19	Trần Văn Ba	Đất Đỏ	Trung Sơn	042050010764	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	1,125		
20	Nguyễn Thế Tuyền	Đất Đỏ	Trung Sơn	042053003919	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	7,500		
21	Bùi Văn Thảo	Đất Đỏ	Trung Sơn	042060008968	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,100	0,100	-	3,500		
22	Lê Xuân Tăng	Đất Đỏ	Trung Sơn	042053003486	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
23	Đặng Văn Lý	Đất Đỏ	Trung Sơn	042077010877	-	-	-	-	-	-	-	0,143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,287		
24	Nguyễn Văn Giảng	Đất Đỏ	Trung Sơn	042084012121	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,078	-	-	0,782		
25	Chu Văn Thắng	Đất Đỏ	Trung Sơn	042079015727	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	1,750		
26	Phạm Văn Quý	Đất Đỏ	Trung Sơn	042054008109	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000		
27	Nguyễn Thị Tâm	Đất Đỏ	Trung Sơn	042166005165	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	61,000		

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

				Lúa	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 50% - 70% diện tích	Tổng kinh phí			
					Xếp loại thiệt hại (%)	Xếp loại thiệt hại (%)				

[illegible][illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
18	Dương Ngọc Chúc	Đồng Văn	Đại Đồng	042058007467	0,224	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
19	Dương Văn Nghi	Đồng Văn	Đại Đồng	042071014036	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
20	Dương Văn Thọ	Đồng Văn	Đại Đồng	042073007130	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
21	Nguyễn Đình Nuôi	Đồng Văn	Đại Đồng	042055004586	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350		
22	Dương Văn Xem	Đồng Văn	Đại Đồng	042056007642	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550		
23	Nguyễn Thị Châu	Đồng Văn	Đại Đồng	042162011547	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
24	Ngô Văn Sáu	Đồng Văn	Đại Đồng	042073007329	0,100	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
25	Dương Văn Quý	Đồng Văn	Đại Đồng	042066013906	0,238	-	-	-	-	-	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600		
26	Nguyễn Đình Vê	Đồng Văn	Đại Đồng	042051004566	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,095	-	-	-	-	-	-	-	0,475		
27	Dương Xuân Trung	Đồng Văn	Đại Đồng	042093022098	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
28	Dương Xuân Thảo	Đồng Văn	Đại Đồng	042159007210	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
29	Lê Văn Tân	Đồng Văn	Đại Đồng	042075008759	0,160	0,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
30	Nguyễn Văn Tinh	Đồng Văn	Đại Đồng	042076020322	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
31	Nguyễn Đức Hùng	Đồng Văn	Đại Đồng	042055004954	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
32	Dương Xuân Cứ	Đồng Văn	Đại Đồng	042056010697	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	2,950		
33	Lê Thị Thủy	Đồng Văn	Đại Đồng	042167005908	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	0,400		
34	Dương Văn Bình	Đồng Văn	Đại Đồng	042066009669	0,100	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,700		
35	Dương Ngọc Đơm	Đồng Văn	Đại Đồng	042075001591	0,110	0,080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,900		
36	Đậu Thị Lý	Đồng Văn	Đại Đồng	042183005994	0,053	0,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
37	Nguyễn Thị Sương	Đồng Văn	Đại Đồng	040192037726	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
38	Hoàng Hoa Thám	Đồng Văn	Đại Đồng	042060011312	0,300	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300		
39	Hoàng Xuân Trung	Đồng Văn	Đại Đồng	042081011307	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,058	-	-	-	-	-	-	-	0,289		
40	Nguyễn Thị Hoa	Đồng Văn	Đại Đồng	042177007232	0,190	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
41	Hà Huy Cường	Đồng Văn	Đại Đồng	042082012163	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
42	Phạm Văn Xảo	Đồng Văn	Đại Đồng	042057005636	0,100	0,690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,900		
43	Nguyễn Mậu Trạch	Đồng Văn	Đại Đồng	042063014331	0,150	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	2,900		
44	Lê Văn Thuật	Đồng Văn	Đại Đồng	042062012576	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,089	-	-	-	-	-	0,445		
45	Lương Xuân Hòe	Đồng Văn	Đại Đồng	042062009760	0,071	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	0,200		
46	Dương Văn Huân	Đồng Văn	Đại Đồng	042087007225	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
47	Đặng Xuân Bảo	Đồng Văn	Đại Đồng	042036003622	0,924	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
48	Nguyễn Thị Liên	Đồng Văn	Đại Đồng	042168005211	0,200	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
49	Nguyễn Văn Thanh	Đồng Văn	Đại Đồng	042070015825	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
50	Lê Văn Tăng	Đồng Văn	Đại Đồng	042050004385	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	0,138	-	-	-	-	-	-	1,414		
51	Nguyễn Quang Chùng	Đồng Văn	Đại Đồng	042064006596	-	-	0,125	-	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	-	-	-	2,450		
52	Dương Văn Bản	Đồng Văn	Đại Đồng	042056007217	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	0,048	-	-	-	-	-	1,490		
53	Dương Xuân Thủy	Đồng Văn	Đại Đồng	042064010353	0,400	-	-	0,025	-	-	-	0,030	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,650		
54	Nguyễn Văn Kỳ	Đồng Văn	Đại Đồng	042088011084	0,200	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,360		
55	Nguyễn Đình Viên	Đồng Văn	Đại Đồng	042048005060	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
56	Nguyễn Văn Tinh	Đồng Văn	Đại Đồng	042076019358	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
57	Dương Văn Thom	Đồng Văn	Đại Đồng	042069011403	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
58	Dương Văn Lương	Đồng Văn	Đại Đồng	042054004499	-	0,170	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	2,200		
59	Lê Hữu Minh	Đồng Văn	Đại Đồng	042051005543	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	0,060	-	-	-	-	-	-	0,680		
60	Dương Văn Căn	Đồng Văn	Đại Đồng	042052008788	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,038	-	-	-	0,229		
61	Nguyễn Thị Hương	Đồng Văn	Đại Đồng	042175017624	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
62	Phùng Văn Cử	Đồng Văn	Đại Đồng	042055003155	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
63	Dương Thường	Đồng Văn	Đại Đồng	042072010315	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
64	Lương Ngọc Sơn	Đồng Văn	Đại Đồng	042083015956	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,040	-	-	-	0,400		
65	Nguyễn Văn Tuế	Đồng Văn	Đại Đồng	042052007418	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,120	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
66	Nguyễn Ngọc Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	042076018483	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
67	Dương Văn Định	Đồng Văn	Đại Đồng	042068016235	0,300	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	0,620	-	-	-	-	-	-	2,860		
68	Nguyễn Tiến Kỳ	Đồng Văn	Đại Đồng	042082011380	0,200	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	0,042	-	-	-	-	-	-	2,126		
69	Nguyễn Tiếp	Đồng Văn	Đại Đồng	042069011368	0,170	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
70	Dương Văn Hương	Đồng Văn	Đại Đồng	042072017777	0,172	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
71	Dương Văn Hiệu	Đồng Văn	Đại Đồng	042090007207	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,085	-	-	-	-	0,045	-	-	0,875		
72	Nguyễn Văn Vinh	Đồng Văn	Đại Đồng	042062014912	-	0,093	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	1,280		
73	Nguyễn Thị Bích	Đồng Văn	Đại Đồng	042184014044	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)								
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
74	Hà Văn Thành	Đồng Văn	Đại Đồng	042061007698	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300			
75	Dương Văn Nguyễn	Đồng Văn	Đại Đồng	042061005982	0,125	-	-	-	-	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600			
76	Nguyễn Văn Cảnh	Đồng Văn	Đại Đồng	042070007694	0,200	0,150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,500			
77	Nguyễn Tiến Hùng	Đồng Văn	Đại Đồng	042065009982	0,250	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
78	Hoàng Văn Diên	Đồng Văn	Đại Đồng	042067008493	0,320	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
79	Ngô Văn Thánh	Đồng Văn	Đại Đồng	042068016735	0,200	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
80	Dương Văn Thân	Đồng Văn	Đại Đồng	042080007742	0,070	-	-	-	-	-	-	-	-	0,078	-	-	-	-	-	-	-	0,390			
81	Lương Ngọc Thanh	Đồng Văn	Đại Đồng	042037004196	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	0,150	-	-	-	-	0,010	-	-	1,050			
82	Nguyễn Văn Tỷ	Đồng Văn	Đại Đồng	042078007689	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
83	Nguyễn Văn Ty	Đồng Văn	Đại Đồng	042048006710	-	-	-	-	-	-	0,047	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,438			
84	Lương Văn Huân	Đồng Văn	Đại Đồng	042057007968	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250			
85	Nguyễn Trung Kiên	Đồng Văn	Đại Đồng	042083019613	-	-	-	-	-	-	0,299	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	7,480			
86	Dương Xuân Hòa	Đồng Văn	Đại Đồng	042066007865	0,246	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	0,200			
87	Dương Xuân Tịnh	Đồng Văn	Đại Đồng	042070010797	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
88	Dương Xuân Bắc	Đồng Văn	Đại Đồng	042089015303	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,287	-	-	-	-	-	-	-	1,435			
89	Dương Xuân Vinh	Đồng Văn	Đại Đồng	042078008440	0,200	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
90	Võ Thị Đàm	Đồng Văn	Đại Đồng	044157002967	0,152	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
91	Dương Văn Gia	Đồng Văn	Đại Đồng	042058010549	0,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	0,060	-	-	0,850			
92	Trần văn Huân	Đồng Văn	Đại Đồng	042075008068	0,075	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400			
93	Dương Trung Triều	Đồng Văn	Đại Đồng	042070016413	-	-	-	-	-	-	0,009	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,180			
94	Dương Xuân Được	Đồng Văn	Đại Đồng	042059008136	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600			
95	Dương Hoàng	Đồng Văn	Đại Đồng	042079016325	-	-	-	-	-	-	0,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16,000			
			Đại Đồng Total		12,989	2,043	0,175	0,025	0,050	0,780	1,845	0,030	-	8,633	0,910	0,287	0,200	0,088	0,275	-	-	121,745			
1	Đặng Xuân Mưu	Văn Sơn	Liên Sơn	042060016271	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,400			
2	Nguyễn Thị Hoà	Văn Lạc	Liên Sơn	042154008066	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,091	-	-	-	-	-	-	-	0,454			
3	Nguyễn Kế Toàn	Văn Lạc	Liên Sơn	042048004885	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,057	-	-	-	-	-	-	-	0,285			
4	Võ Tá Tầm	Văn Sơn	Liên Sơn	042081004912	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,075	-	-	-	-	-	-	-	0,375			
5	Nguyễn Mậu Lực	Văn Lạc	Liên Sơn	042064006562	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300			
6	Đặng Văn Bàn	Văn Lạc	Liên Sơn	042067005026	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
7	Nguyễn Mậu Thoá	Văn Lạc	Liên Sơn	042040002530	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
8	Lê Thị Duyệt	Văn Sơn	Liên Sơn	042152010484	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	0,172	-	-	-	-	-	-	-	1,161			
9	Lương Bá Ngọc	Văn Lạc	Liên Sơn	042068013602	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
10	Cao Thị Nguyễn	Văn Lạc	Liên Sơn	042151004903	-	-	-	-	-	-	0,007	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,390			
11	Nguyễn Văn Tỷ	Văn Sơn	Liên Sơn	042074015928	-	-	-	-	-	-	0,010	0,010	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
12	Lê Văn Phiến	Văn Lạc	Liên Sơn	042070009739	-	-	-	-	-	-	-	0,023	-	0,099	-	-	-	-	-	-	-	1,195			
13	Đặng Thị Lợi	Văn Lạc	Liên Sơn	042163013467	-	-	-	0,050	-	-	-	0,025	-	0,030	-	-	-	-	-	-	-	1,400			
14	Lê Hồng Sâm	Văn Lạc	Liên Sơn	042065012371	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	0,278	-	-	-	-	-	-	-	1,688			
15	Nguyễn Trung Quyết	Văn Sơn	Liên Sơn	042085008179	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550			
16	Nguyễn Văn Xuân	Văn Lạc	Liên Sơn	042064014528	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,060	-	1,400			
17	Nguyễn Đình Chắt	Văn Sơn	Liên Sơn	042087019249	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,070	-	-	-	-	-	-	-	0,350			
18	Dương Văn Tầm	Văn Lạc	Liên Sơn	042088019100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
19	Nguyễn Văn Quyền	Văn Lạc	Liên Sơn	042082017329	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
20	Nguyễn Thị Hồng	Văn Sơn	Liên Sơn	042156009706	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
21	Đặng Đình Tụ	Văn Lạc	Liên Sơn	042063013264	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	0,040	-	1,350			
22	Nguyễn Văn Lưu	Văn Lạc	Liên Sơn	042064006998	-	-	-	-	-	-	-	0,020	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,100			

[illegible][illegible]

[illegible][illegible]

[illegible][illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)			Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật tư cây đầu thác	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai				Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật tư cây đầu thác
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
54	Lê Văn Thành	Văn Sơn	Mỹ Liên	042080010055	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,145	-	-	-	-	-	-	-	0,725		
55	Lê Văn Thông	Văn Sơn	Mỹ Liên	042065008084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
56	Lê Văn Đường	Văn Sơn	Mỹ Liên	042063006733	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
57	Nguyễn Tiến Chung	Văn Sơn	Mỹ Liên	042087011239	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,110	-	-	-	-	-	-	-	0,550		
58	Nguyễn Văn Thái	Văn Sơn	Mỹ Liên	042067005593	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000		
59	Ngô Toàn Thắng	Văn Sơn	Mỹ Liên	042075013488	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	0,200	-	-	-	-	2,500		
60	Nguyễn Thị Diên	Văn Sơn	Mỹ Liên	042168006636	-	-	-	-	0,166	-	-	-	-	0,380	-	-	-	-	-	-	-	4,392		
61	Dương Đình Thám	Văn Sơn	Mỹ Liên	042053004084	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500		
62	Nguyễn Xuân Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	042078008070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,217	-	-	-	-	-	-	-	1,086		
63	Nguyễn Anh Tuấn	Văn Sơn	Mỹ Liên	042075004406	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
64	Ngô Văn Minh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042070016762	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
65	Trần Công Phương	Văn Sơn	Mỹ Liên	042064016470	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,109	-	-	-	-	-	-	-	0,545		
66	Trần Đình Quý	Văn Sơn	Mỹ Liên	042063009676	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
67	Nguyễn Mạnh Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	042076021545	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,225	-	-	-	-	-	-	-	1,125		
68	Trần Hồng Quảng	Văn Sơn	Mỹ Liên	042062009492	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,473	-	0,020	-	-	-	-	-	2,464		
69	Đặng đình Mân	Văn Sơn	Mỹ Liên	042058008091	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
70	Ngô Nam Định	Văn Sơn	Mỹ Liên	042087005816	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	-	-	-	1,650		
71	Trần Đức Cường	Văn Sơn	Mỹ Liên	042078005850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,192	-	-	-	-	-	-	-	5,961		
72	Ngô Hữu Quyết	Văn Sơn	Mỹ Liên	042071010381	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250		
73	Đặng Đình Hồng	Văn Sơn	Mỹ Liên	042078009558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
74	Đặng Chí Dũng	Văn Sơn	Mỹ Liên	042087023044	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500		
75	Đặng Quang Trung	Văn Sơn	Mỹ Liên	042082008718	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
76	Đặng Đĩnh Lục	Văn Sơn	Mỹ Liên	042052006354	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
77	Đặng Văn Hường	Văn Sơn	Mỹ Liên	042078009176	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
78	Ngô Văn Bảy	Văn Sơn	Mỹ Liên	042076017891	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,317	-	-	-	-	-	-	-	1,585		
79	Ngô Văn Tá	Văn Sơn	Mỹ Liên	042080015549	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,450	-	-	-	-	-	-	-	2,250		
80	Trần Sang	Văn Sơn	Mỹ Liên	042092006755	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
81	Trần Thê Hữu	Văn Sơn	Mỹ Liên	042070014149	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
82	Phan Văn Hương	Văn Sơn	Mỹ Liên	042063005806	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000		
83	Võ Thị Thùy	Văn Sơn	Mỹ Liên	042158007410	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
84	Nguyễn Văn Lợi	Văn Sơn	Mỹ Liên	042072011800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750		
85	Trần Đức Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	042072017622	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250		
86	Đặng Văn Hiệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	042063005395	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠY VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VÂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Vân)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiệt hại trên 70% diện tích								Thiệt hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)				Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng				
							(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)					
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	
87	Trương Đức Vỹ	Văn Sơn	Mỹ Liên	042091007016	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250			
88	Nguyễn Thị Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042171010848	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
89	Nguyễn Tiến Cường	Văn Sơn	Mỹ Liên	42075000595	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	1,000			
90	Trương Hùng	Văn Sơn	Mỹ Liên	042066012967	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750			
91	Trần Hải Lực	Văn Sơn	Mỹ Liên	042087015887	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	-	-	0,300			
92	Nguyễn Văn Nghĩa	Văn Sơn	Mỹ Liên	042069013621	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	0,050	-	-	-	-	-	2,750			
93	Nguyễn Văn Thuyên	Văn Sơn	Mỹ Liên	042073012894	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,306	-	-	-	-	-	-	-	1,530			
94	Trần Đình hệp	Văn Sơn	Mỹ Liên	042061005057	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	-	-	-	-	-	1,500			
95	Đặng Văn Tơ	Văn Sơn	Mỹ Liên	042067006169	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	2,500			
96	Trần Xuân Canh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042063013792	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,250	-	-	-	-	-	-	-	1,250			
97	Nguyễn Trọng Hòa	Văn Sơn	Mỹ Liên	042040006778	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
98	Nguyễn Tiến Thìn	Văn Sơn	Mỹ Liên	042089015125	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,335	-	-	-	-	-	-	-	1,675			
99	Nguyễn Tiến Mạnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042049004685	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,320	-	-	-	-	-	-	-	1,600			
100	Nguyễn Văn Sơn	Văn Sơn	Mỹ Liên	042067005274	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
101	Nguyễn Văn Hoan	Văn Sơn	Mỹ Liên	042072018930	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750			
102	Nguyễn Văn Nhân	Văn Sơn	Mỹ Liên	042062006377	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,256	-	-	-	-	-	-	-	1,280			
103	Nguyễn Quyết Định	Văn Sơn	Mỹ Liên	042079015988	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
104	Nguyễn Xuân Thanh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042081012216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750			
105	Lê Đức Hộ	Văn Sơn	Mỹ Liên	042074010532	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,350	-	-	-	-	-	-	-	1,750			
106	Trương Hồng Tú	Văn Sơn	Mỹ Liên	042057007705	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000			
107	Ngô Văn Tiến	Văn Sơn	Mỹ Liên	042066007734	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	0,500			
108	Ngô Văn Quân	Văn Sơn	Mỹ Liên	042066009064	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,064	-	-	-	-	0,482			
109	Trần Thanh Tĩnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042062009948	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,111	-	-	-	-	0,835			
110	Lê Đức Thọ	Văn Sơn	Mỹ Liên	042072015352	-	-	0,037	-	-	-	-	0,040	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,422			
111	Lê Bính Thìn	Văn Sơn	Mỹ Liên	042076015483	-	-	-	-	0,020	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,800			
112	Đặng Văn Mậu	Văn Sơn	Mỹ Liên	042073013242	-	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300			
113	Lê Thế Kỳ	Văn Sơn	Mỹ Liên	042059008381	-	-	-	-	-	-	-	0,082	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,449			
114	Nguyễn Văn Tuyết	Văn Sơn	Mỹ Liên	042062014787	-	-	-	-	0,060	-	-	-	-	-	0,025	-	-	-	-	-	-	0,976			
115	Lê Văn Lý	Văn Sơn	Mỹ Liên	042057006737	-	-	-	0,053	-	0,053	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,155			
116	Lê Thị Lai	Văn Sơn	Mỹ Liên	042156006687	-	-	-	-	-	-	0,069	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,370			
			Mỹ Liên Total		0,350	-	0,037	0,253	0,321	0,053	0,319	0,222	-	44,264	0,025	0,478	0,401	-	0,535	0,140	-	255,450			
1	Lê Thị Hương	Tây Xuân	Tây Xuân	042162006576	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	1,250			
2	Nguyễn Tiến Thành	Hồng Xuân	Tây Xuân	042071008057	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	0,500			
3	Vô Minh Luân	Tây Xuân	Tây Xuân	42089003206	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	0,375			

[illegible][illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiệt hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiệt hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật tư cây đầu dòng	Thiệt hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm chết cây hoặc đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật tư cây đầu dòng			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
4	Nguyễn Văn Duyệt	Tây Xuân	Tây Xuân	042058008028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	0,050	-	-	-	-	-	-	0,900		
5	Nguyễn Tiến Sơn	Tây Xuân	Tây Xuân	42074007262	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,300		
6	Nguyễn Thị Bích Diệp	Tây Xuân	Tây Xuân	042165006954	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	0,020	-	0,550		
7	Dương Ngọc Tinh	Tây Xuân	Tây Xuân	042077007298	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	0,250		
8	Nguyễn Văn Dị	Tây Xuân	Tây Xuân	42056002494	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,235	-	3,518		
9	Trần Văn Kiên	Tây Xuân	Tây Xuân	042087015250	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,300	-	-	3,000		
10	Nguyễn Văn Siu	Tây Xuân	Tây Xuân	042067008753	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500	-	-	5,000		
11	Nguyễn Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	042070008538	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,050	-	0,020	-	-	0,575		
12	Ông Hiền Lương	Hồng Xuân	Tây Xuân	042153010710	-	-	-	-	-					-	-	-	-		0,060			0,600		
13	Dương Văn Kính	Tây Xuân	Tây Xuân	42062012269	-	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60,000		
14	Trần Đình Thứ	Tây Xuân	Tây Xuân	042077005799	-	-	-	-	-	0,130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,560		
15	Nguyễn Văn Vượng	Tây Xuân	Tây Xuân	042069013901	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,440	-	-	-	-	3,300		
16	Trần Văn Hùng	Tây Xuân	Tây Xuân	042088018838	-	-	-	-	0,005	-	-	-	-	-	-	0,007	-	-	-	-	-	0,110		
17	Nguyễn Văn Long	Tây Xuân	Tây Xuân	042071013906	-	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
18	Nguyễn Văn Năm	Tây Xuân	Tây Xuân	42052002243	-	-	-	0,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,000		
19	Trần Xuân Tiến	Tây Xuân	Tây Xuân	42056002493	-	-	-	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,500		
20	Nguyễn Thị Nghiệm	0	Tây Xuân	42163003564	-	-	0,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,600		
21	Nguyễn Văn Lãi	Tây Xuân	Tây Xuân	042060013158	-	-	-	0,050	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,500		
			Tây Xuân Total		-	-	-	0,150	0,605	0,130	-	2,000	-	0,400	0,050	0,057	0,540	0,050	0,880	0,255	-	92,138		
1	Nguyễn Văn Đức	Trường Xuân	Trường Xuân	042058003294	-	-	-	-	-	-	0,010	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,200		
2	Cao Xuân Bắc	Trường Xuân	Trường Xuân	042064005573	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
3	Nguyễn Đức Phê	Trường Xuân	Trường Xuân	42066003115	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	-	-	-	-	0,750		
4	Nguyễn Văn Nhị	Trường Xuân	Trường Xuân	42057006607	-	-	-	-	-	-	0,020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,400		
5	Nguyễn Văn Duê	Trường Xuân	Trường Xuân	42060017152	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,030	-	-	0,300		
6	Lê Ngọc Vọ	Trường Xuân	Trường Xuân	042077008130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,540	-	-	-	-	4,050		
7	Đặng Xuân	Trường Xuân	Trường Xuân	042053001926	-	-	-	0,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,000		

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CÁC LOẠI CÂY TRỒNG DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VẤN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Lúa	Thiết hại trên 70% diện tích								Thiết hại từ 30% - 70% diện tích								Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
						Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)				Lúa	Thiết hại cây hàng năm (sau phúc tra)			Thiết hại cây lâu năm (sau phúc tra)						
							Mức thiệt hại < 30% diện tích (không được hỗ trợ) (ha)	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết		Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng; vườn cây đầu dòng	Thiết hại lúa gieo trồng >45 ngày (sau phúc tra)	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
			Trường Xuân Total		-	-	-	0,200	-	-	0,030	-	-	0,300	-	-	0,540	-	0,030	-	-	8,450		
			Grand Total		13,689	17,713	1,542	9,998	2,456	3,765	11,421	19,222	1,136	144,494	1,631	5,019	4,516	2,555	8,730	5,517	2,433	2.288,159		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ LÂM NGHIỆP DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỶ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH

(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

[illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
					Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi									
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
113	Nguyễn Văn Lương	Nam Xuân	Nam Xuân	042083003919	1,684	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13,472		
114	Nguyễn Đình Sử	Nam Xuân	Nam Xuân	042068011755	-	1,816	-	-	-	-	-	-	-	-	27,245		
115	Nguyễn Bá Trường	Nam Xuân	Nam Xuân	042070009004	-	3,244	-	-	-	-	-	-	-	-	48,657		
116	Phạm Hữu Diểu	Nam Xuân	Nam Xuân	042070008518	-	0,768	-	-	-	-	-	-	-	-	11,516		
117	Nguyễn Viết Nghệ	Nam Xuân	Nam Xuân	042083003917	0,182	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	16,458		
118	Trần Thị Quế	Nam Xuân	Nam Xuân	042171016523	-	3,000	-	-	-	1,039	-	-	-	-	49,156		
119	Lê Hồng Cương	Nam Xuân	Nam Xuân	042065002721	-	4,408	-	-	-	-	1,279	-	-	-	75,713		
120	Hồ Văn Liệu	Nam Xuân	Nam Xuân	042071003364	-	3,309	-	-	-	0,795	-	-	-	-	52,809		
121	Nguyễn Bá Trường	Nam Xuân	Nam Xuân	042076015836	-	2,060	-	-	-	-	-	-	-	-	30,903		
122	Hồ Văn Minh	Nam Xuân	Nam Xuân	042076004044	-	0,846	-	-	-	-	-	-	-	-	12,692		
123	Nguyễn Văn Chung	Nam Xuân	Nam Xuân	042086005908	-	1,049	-	-	-	-	-	-	-	-	15,737		
124	Hồ Văn Hà	Nam Xuân	Nam Xuân	042065010551	-	1,999	-	-	-	-	-	-	-	-	29,991		
125	Phạm Thị Hoa	Nam Xuân	Nam Xuân	042180013681	-	1,846	-	-	-	-	2,628	-	-	-	47,402		
126	Nguyễn Thị Khanh	Nam Xuân	Nam Xuân	042168007231	0,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,804		
127	Kiều Nhật Quế	Nam Xuân	Nam Xuân	042092002597	-	1,745	-	-	-	-	-	-	-	-	26,171		
128	Hồ Thành Đồng	Nam Xuân	Nam Xuân	042081006296	-	1,652	-	-	-	-	-	-	-	-	24,776		
129	Nguyễn Văn Phong	Nam Xuân	Nam Xuân	042084003814	-	1,500	-	-	-	1,067	-	-	-	-	26,768		
130	Đặng Thị Mai	Nam Xuân	Nam Xuân	042171010946	-	9,200	-	-	-	-	-	-	-	-	138,000		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)											Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)					Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)								
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
56	Đậu Xuân Thi	Xuân Sơn	Nam Sơn	042066008092	1,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,600		
57	Thiều Mạnh Tường	Xuân Sơn	Nam Sơn	042079012777	1,620	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,960		
58	Nguyễn Thành Long	Xuân Sơn	Nam Sơn	042059005744	0,620	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,960		
59	Phan Hồng Phong	Xuân Sơn	Nam Sơn	042074013633	-	1,760	-	-	-	-	-	-	-	-	26,400		
60	Thiều Lâm Hải	Xuân Sơn	Nam Sơn	042084005757	-	2,780	-	-	-	-	-	-	-	-	41,700		
61	Thiều Lâm Sơn	Xuân Sơn	Nam Sơn	042081010542	-	5,940	-	-	-	-	-	-	-	-	89,100		
62	Nguyễn Quốc Cảnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	042087006864	-	0,480	-	-	-	-	-	-	-	-	7,200		
63	Nguyễn Văn Thành	Xuân Sơn	Nam Sơn	042083006015	-	2,290	-	-	-	-	-	-	-	-	34,350		
64	Nguyễn Văn Phiếm	Xuân Sơn	Nam Sơn	042076012930	0,670	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,360		
65	Đồng Phúc Ty	Xuân Sơn	Nam Sơn	042059006167	1,820	2,800	-	-	-	-	-	-	-	-	56,560		
66	Nguyễn Văn Trung	Xuân Sơn	Nam Sơn	042085015702	-	1,860	-	-	-	-	-	-	-	-	27,900		
67	Phạm Thị Hạnh	Xuân Sơn	Nam Sơn	042162012101	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
68	Nguyễn Chí Công	Xuân Sơn	Nam Sơn	183613120	0,280	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,240		
69	Lê Văn Linh	Xuân Sơn	Nam Sơn	042089013953	-	4,100	-	-	-	-	-	-	-	-	61,500		
70	Nguyễn Quý Sâm	Xuân Sơn	Nam Sơn	042082017588	-	3,370	-	-	-	-	-	-	-	-	50,550		
71	Lê Công Hòa	Xuân Sơn	Nam Sơn	042074003694	-	7,270	-	-	-	-	-	-	-	-	109,050		
			Nam Sơn Total		33,530	158,219	-	0,080	-	-	-	-	-	-	2.644,725		
1	Đặng Văn Chiến	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042072015907	1,000	2,500	-	-	-	0,390	-	-	-	-	47,060		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
					Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi									
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$		
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Hoàng Trọng Hợi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042083013841	0,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,400		
3	Hoàng Văn Nghị	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042076014484	-	5,830	-	-	-	-	-	-	-	-	87,450		
4	Hoàng Văn Sơn	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042069011551	13,740	-	-	-	-	-	0,501	-	-	-	113,676		
5	Lê Minh Huệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042063009402	-	4,000	-	-	-	2,600	-	-	-	-	70,400		
6	Lê Văn Dụng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042075017325	-	3,350	-	-	-	-	-	-	-	-	50,250		
7	Nguyễn Hồng Quế	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042064006402	-	4,310	-	-	-	-	-	-	-	-	64,650		
8	Nguyễn Huy Hồng	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042068011322	15,000	16,850	-	-	-	-	-	-	-	-	372,750		
9	Nguyễn Khắc Kính	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042068011280	-	-	-	-	-	0,700	-	-	-	-	2,800		
10	Nguyễn Tiến Đông	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042064009337	-	5,829	-	-	-	-	-	-	-	-	87,434		
11	Nguyễn Tiến Linh	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042073006652	3,340	1,760	-	-	-	-	-	-	-	-	53,120		
12	Nguyễn Tiến Nghệ	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042082008046	-	0,970	-	-	-	-	-	-	-	-	14,550		
13	Nguyễn Thị Bình	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042158006011	1,000	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	23,000		
14	Nguyễn Thị Chung	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042171016956	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000		
15	Nguyễn Thị Nuôi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042178009850	1,860	0,570	-	-	-	-	-	-	-	-	23,430		
16	Nguyễn Thị Thảo	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042171016390	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16,000		
17	Nguyễn Văn Hải	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042088021794	-	7,000	-	-	-	-	3,500	-	-	-	131,250		
18	Nguyễn Văn Hiệp	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042080005207	0,660	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,280		
19	Nguyễn Văn Liên	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042078006108	-	1,000	-	-	-	3,247	-	-	-	-	27,988		

[illegible]

T	T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú						
						Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					
											Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
														Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi							Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$								
1	2		3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
27	Nguyễn Văn Hùng	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042047004881	-	0,461	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,915							
28	Đặng Thị Nguyệt	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042056009115	1,624	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,992							
29	Nguyễn Thanh Tâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042073013534	0,450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,600							
30	Hà Văn Tú	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042091018667	1,283	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,264							
31	Trần Thái Lan	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042054007529	0,675	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,400							
32	Võ Hoài Nam	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042051002830	-	0,135	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,025							
33	Nguyễn Văn Lâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042072018446	-	-	-	-	-	-	-	0,863	-	-	-	6,473							
34	Cao Ngọc Thảo	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042079013624	-	-	-	-	-	-	-	0,375	-	-	-	2,813							
35	Nguyễn Văn Sáu	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042061005544	-	-	-	-	-	-	-	0,291	-	-	-	2,185							
36	Hoàng Văn Long	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042074008718	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	4,500							
37	Nguyễn Thanh Tâm	Văn Mỹ	Hoà Hợp	042052008972	-	-	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	4,500							
			Hoà Hợp Total		10,246	14,817	-	-	-	-	1,600	6,586	-	-	-	360,017							
1	Võ Văn Xuân	Tây Xuân	Bắc Xuân	042066002884	1,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,400							
2	Phạm Văn Tiu	Tây Xuân	Bắc Xuân	042163008453	-	-	-	-	-	-	2,900	-	-	-	-	11,600							
3	Ngô Thị Nga	Tây Xuân	Bắc Xuân	042172009268	-	1,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,000							
4	Trần Văn Chương	Tây Xuân	Bắc Xuân	042070013657	-	-	-	-	-	-	2,900	-	-	-	-	11,600							
5	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	042040003963	1,560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,480							
6	Nguyễn Công Khánh	Tây Xuân	Bắc Xuân	042083003805	-	-	-	-	-	-	-	0,700	-	-	-	5,250							

T	T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
						Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
											Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
						Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi									
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$			
1	2		3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
7	Phạm Thị Ngọc	Tây Xuân	Bắc Xuân	042149001785	-	-	-	-	-	-	2,300	-	-	-	-	9,200		
8	Phạm Đình Chiến	Tây Xuân	Bắc Xuân	042099001466	-	-	-	-	-	-	-	4,000	-	-	-	30,000		
9	Dương Văn Liễu	Tây Xuân	Bắc Xuân	042052004265	-	-	-	-	-	-	4,000	-	-	-	-	16,000		
10	Bùi Ngọc Thái	Tây Xuân	Bắc Xuân	042058003195	-	3,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	48,000		
11	Phạm Thị Hồng	Tây Xuân	Bắc Xuân	042177004120	2,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22,400		
12	Ngô Đức Thắng	Tây Xuân	Bắc Xuân	042075017004	3,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27,200		
13	Trần Văn Huyền	Tây Xuân	Bắc Xuân	042046002277	-	0,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,500		
14	Dương Ngọc Linh	Tây Xuân	Bắc Xuân	042063011273	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
15	Dương Văn Thìn	Tây Xuân	Bắc Xuân	042076010405	-	1,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,500		
16	Phạm Đình Dũng	Tây Xuân	Bắc Xuân	042076012091	-	2,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39,000		
17	Ngô Quốc Hoàn	Tây Xuân	Bắc Xuân	042077003373	3,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24,800		
18	Nguyễn Đức Cảnh	Tây Xuân	Bắc Xuân	042067002539	-	1,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25,500		
19	Hồ Thị Mận	Tây Xuân	Bắc Xuân	042157002601	-	2,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31,500		
20	Đinh Văn Lưu	Tây Xuân	Bắc Xuân	042074030673	-	3,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	57,000		
			Bắc Xuân Total		12,160	17,600	-	-	-	-	12,100	4,700	-	-	-	444,930		
1	Lương Văn Tam	Văn Lạc	Văn Lạc	042063008230	-	1,310	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,650		
2	Nguyễn Thị Vinh	Văn Lạc	Văn Lạc	042176013185	-	0,360	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,400		
3	Dương Văn Dục	Văn Lạc	Văn Lạc	042070009014	-	-	-	-	-	-	0,390	-	-	-	-	1,560		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

T	T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
						Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
						Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi															
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$			
1	2		3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
39	Trần Đức Nghị	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042073015262	-	2,970	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44,550		
40	Bùi Văn Ân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042061007380	-	1,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,500		
41	Nguyễn Văn Long	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079006843	-	-	-	-	-	-	-	1,120	-	-	-	8,400		
42	Võ Thành Đồng	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042076018480	0,500	1,600	-	-	-	-	0,500	1,600	-	-	-	42,000		
43	Nguyễn Thái Đức	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042085007702	-	1,520	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22,800		
44	Mai Quang Trường	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042074017836	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
45	Đoàn Thị Hiền	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042174013214	10,000	1,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	104,000		
46	Nguyễn Thị Huệ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042155009135	-	-	-	-	-	-	-	0,290	-	-	-	2,175		
47	Trần Minh Tuyết	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042060016749	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30,000		
48	Hoàng Trọng Quỳnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042081006806	-	1,825	-	-	-	-	-	-	-	-	-	27,375		
49	Chu Văn Hiệp	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042091004875	-	0,680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,200		
50	Nguyễn Thị Tình	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042145005852	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,500		
51	Lê Xuân Nam	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042079006107	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
52	Trương Công Nghĩa	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042076022431	1,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,200		
53	Nguyễn Thị Kỳ	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042155003969	-	0,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,500		
54	Nguyễn Xuân Bình	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042059005155	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000		
55	Thái Văn Việt	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042085011791	-	-	-	-	-	-	-	1,720	-	-	-	12,900		
56	Trương Công Dân	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042071013171	-	-	-	-	-	-	1,500	-	-	-	-	6,000		

T	T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
						Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
						Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
									Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
						(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$			
1	2		3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
				Đất Đỏ Total		23,260	74,655	-	-	-	11,470	6,860	-	-	-	1.403,235		
1	Trần Đức Kiên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078010543	-	-	-	-	-	-	0,608	-	-	-	-	2,434		
2	Nguyễn Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042070008845	-	0,462	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,926		
3	Lê Văn Năm	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042063009487	-	-	-	-	-	-	0,167	-	-	-	-	0,669		
4	Phan Thị Minh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042164007885	2,908	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	23,264		
5	Nguyễn Văn Thảo	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064014377	-	-	-	-	-	-	0,572	-	-	-	-	2,289		
6	Đặng Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042168006921	-	-	-	-	-	-	0,404	-	-	-	-	1,615		
7	Ngô Văn Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042055004074	-	-	-	-	-	-	-	1,500	-	-	-	11,250		
8	Nguyễn Văn Thuần	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042062010182	-	-	-	-	-	-	0,173	-	-	-	-	0,693		
9	Lê Văn Tám	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074010330	-	-	-	-	-	-	0,190	-	-	-	-	0,760		
10	Ngô Bá Quyền	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052004843	-	-	-	-	-	-	3,910	-	-	-	-	15,642		
11	Trần Mạnh Hùng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042045006226	-	-	-	-	-	-	0,546	-	-	-	-	2,183		
12	Trần Tiết	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042059006447	-	-	-	-	-	-	-	1,214	-	-	-	9,107		
13	Nguyễn Thị Nga	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042190009244	-	-	-	-	-	-	0,333	-	-	-	-	1,331		
14	Nguyễn Thị Hoa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042177015448	-	-	-	-	-	-	3,073	-	-	-	-	12,294		
15	Phạm Vũ Lượng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042055004436	-	-	-	-	-	-	2,950	-	-	-	-	11,800		
16	Lê Đức Dương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042059005554	-	-	-	-	-	-	0,708	-	-	-	-	2,833		
17	Trần Quý Hành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072018072	-	-	-	-	-	-	0,547	-	-	-	-	2,190		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)											Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)					Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
					Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi									
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$		
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
18	Ngô Hữu Thọ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064015391	0,872	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,976		
19	Lê Quốc Dũng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042075008765	-	-	-	-	-	2,345	-	-	-	-	9,380		
20	Trần Văn Lộc	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042065006558	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,400		
21	Phạm Đình	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042054008028	-	-	-	-	-	0,704	-	-	-	-	2,815		
22	Lê Thị Thanh Huệ	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042157004103	1,554	-	-	-	-	0,346	-	-	-	-	13,818		
23	Nguyễn Văn Bằng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078006803	-	-	-	-	-	1,800	-	-	-	-	7,200		
24	Trần Văn An	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042082018003	1,024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,191		
25	Nguyễn Văn Cảnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042052008815	-	-	-	-	-	0,820	-	-	-	-	3,280		
26	Nguyễn Tiến Nam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042076020223	-	-	-	-	-	-	1,632	-	-	-	12,236		
27	Nguyễn Văn Ché	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042045003146	-	-	-	-	-	-	2,523	-	-	-	18,924		
28	Nguyễn Tiến Thành	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042072010730	-	-	-	-	-	0,100	-	-	-	-	0,400		
29	Trần Quý Tịnh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066013506	0,966	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,730		
30	Nguyễn Tiến Vững	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042070015861	-	-	-	-	-	0,367	-	-	-	-	1,466		
31	Trần Đình Phương	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042086008435	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,000		
32	Nguyễn Thị Thuận	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042168010294	-	-	-	-	-	0,232	-	-	-	-	0,927		
33	Trần Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042163013971	-	-	-	-	-	1,704	-	-	-	-	6,816		
34	Trần Quang Trung	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074008556	-	-	-	-	-	4,455	-	-	-	-	17,819		
35	Trần Văn Tuế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042079014804	-	-	-	-	-	2,532	-	-	-	-	10,126		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
								Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)				
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
36	Nguyễn Văn Sanh	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074010137	-	-	-	-	-	2,600	-	-	-	-	10,400		
37	Phạm Công Thắng	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042069008689	-	-	-	-	-	0,025	-	-	-	-	0,100		
38	Phạm Vũ Tài	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042062006835	2,087	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16,694		
39	Bùi Thị Quế	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042166013069	-	-	-	-	-	1,077	-	-	-	-	4,308		
40	Đặng Văn Quân	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042081006871	1,052	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,418		
41	Nguyễn Thị Mai	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042163011968	-	-	-	-	-	3,720	-	-	-	-	14,880		
42	Trần Công Biên	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042064006979	-	39,765	-	-	-	-	-	-	-	-	596,471		
43	Nguyễn Văn Hòa	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042066009086	-	2,421	-	-	-	-	-	-	-	-	36,321		
44	Nguyễn Thị Hào	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042159007723	-	-	-	-	-	0,243	-	-	-	-	0,972		
45	Trần Quốc Sang	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042089015215	-	-	-	-	-	1,000	-	-	-	-	4,000		
46	Trần Công Chiến	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042078005706	-	-	-	-	-	-	3,422	-	-	-	25,661		
47	Nguyễn Thị Mùi	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042182016341	-	-	-	-	-	-	0,273	-	-	-	2,046		
48	Nguyễn Văn Hữu	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042074015301	-	-	-	-	-	0,187	-	-	-	-	0,746		
49	Ngô Văn Lam	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042088005739	-	-	-	-	-	-	0,422	-	-	-	3,165		
			Nam Mỹ Lợi Total		11,464	42,648	-	-	-	38,538	10,985	-	-	-	967,964		
1	Lê Văn Giáo	Đất Đỏ	Trung Sơn	042069013084	-	2,839	-	-	-	-	-	-	-	-	42,590		
2	Nguyễn Thị Mỹ	Đất Đỏ	Trung Sơn	042153006208	-	3,903	-	-	-	-	-	-	-	-	58,545		
3	Nguyễn Mậu Thát	Đất Đỏ	Trung Sơn	042058018002	-	-	-	-	-	0,289	0,555	-	-	-	5,322		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)											Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)					Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
								Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)			
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
30	Nguyễn Văn Tích	Tây Xuân	Tây Xuân	042073013511	1,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12,000		
31	Nguyễn Văn Vinh	Tây Xuân	Tây Xuân	042064014006	-	1,500	-	-	-	-	-	-	-	-	22,500		
32	Võ Văn Khàng	Tây Xuân	Tây Xuân	042048006164	-	-	-	-	-	-	0,150	-	-	-	1,125		
33	Phan Thanh Tuân	Tây Xuân	Tây Xuân	42091020569	-	0,600	-	-	-	0,600	-	-	-	-	11,400		
34	Nguyễn Tiến Văn	Tây Xuân	Tây Xuân	042067005991	-	2,500	-	-	-	-	-	-	-	-	37,500		
35	Lê Thị Hiền	Tây Xuân	Tây Xuân	042186019156	-	1,700	-	-	-	-	-	-	-	-	25,500		
36	Nguyễn văn Thân	Tây Xuân	Tây Xuân	042080003252	-	0,700	-	-	-	-	-	-	-	-	10,500		
37	Nguyễn Văn Lan	Tây Xuân	Tây Xuân	042068007289	-	0,531	-	-	-	-	-	-	-	-	7,965		
38	Nguyễn Thị Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	42174005518	-	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	30,000		
39	Trần Văn Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	42064003694	1,000	0,5	-	-	-	-	-	-	-	-	15,500		
40	Võ Thị Vin	Tây Xuân	Tây Xuân	42154010025	0,1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,800		
41	Nguyễn Văn Đức	Tây Xuân	Tây Xuân	42072004044	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
42	Chu Thị Ngọc	Tây Xuân	Tây Xuân	42176013358	-	-	-	-	-	-	2,000	-	-	-	15,000		
43	Võ Văn Quý	Tây Xuân	Tây Xuân	42073003625	-	-	-	-	-	3,546	-	-	-	-	14,185		
44	Nguyễn Văn Tình	Tây Xuân	Tây Xuân	042072004042	-	-	-	-	-	-	0,370	-	-	-	2,775		
45	Trần Văn Liền	Tây Xuân	Tây Xuân	042055001809	-	-	-	-	-	-	1,100	-	-	-	8,250		
46	Nguyễn Văn Kiên	Tây Xuân	Tây Xuân	042087006651	-	-	-	-	-	0,600	-	-	-	-	2,400		
47	Nguyễn Viết Dục	Tây Xuân	Tây Xuân	042052003931	-	-	-	-	-	0,366	-	-	-	-	1,464		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú					
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)				
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
													Nhóm cây sinh trưởng nhanch, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi						Nhóm cây sinh trưởng nhanch, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)								
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
			Tây Xuân Total		12,197	51,789	-	-	-	14,283	10,020	-	-	-	1.023,946						
1	Nguyễn Tiến Dực	Trường Xuân	Trường Xuân	042062004293	-	-	-	-	-	0,330	-	-	-	-	1,320						
2	Nguyễn Xuân Thành	Trường Xuân	Trường Xuân	042058004923	-	4,530	-	-	-	-	-	-	-	-	67,950						
3	Đặng Đình Tân	Trường Xuân	Trường Xuân	042053004312	-	-	-	-	-	0,400	-	-	-	-	1,600						
4	Phạm Văn Hùng	Trường Xuân	Trường Xuân	042066009265	3,000	-	-	-	-	-	2,700	-	-	-	44,250						
5	Cao Xuân Bắc	Trường Xuân	Trường Xuân	042064005573	3,000	1,190	-	-	-	-	-	-	-	-	41,850						
6	Nguyễn Văn Khánh	Trường Xuân	Trường Xuân	042052004571	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000						
7	Đặng Đình Điện	Trường Xuân	Trường Xuân	42059011344	-	-	-	-	-	-	0,44	-	-	-	3,300						
8	Nguyễn Thị Dị	Trường Xuân	Trường Xuân	042154004880	0,940	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,520						
9	Nguyễn Văn Sau	Trường Xuân	Trường Xuân	42064003828	-	0,760	-	-	-	-	-	-	-	-	11,400						
10	Nguyễn Thị Nghiêm	Trường Xuân	Trường Xuân	042050002326	2,740	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21,920						
11	Nguyễn Tiến Cường	Trường Xuân	Trường Xuân	42082018229	1,200	2,000	-	-	-	-	-	-	-	-	39,600						
12	Đặng Đình Đăng	Trường Xuân	Trường Xuân	4287018445	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000						
13	Nguyễn Tiến Đựng	Trường Xuân	Trường Xuân	42048001478	-	1,790	-	-	-	-	-	-	-	-	26,850						
14	Đặng Thanh Quế	Trường Xuân	Trường Xuân	0 42064001823	1,06	1,920	-	-	-	-	-	-	-	-	37,280						
15	Lê Ngọc Vĩnh	Trường Xuân	Trường Xuân	042066015812	-	1,400	-	-	-	-	-	-	-	-	21,000						
16	Nguyễn Công Vị	Trường Xuân	Trường Xuân	42076010397	-	0,810	-	-	-	-	-	-	-	-	12,150						
17	Nguyễn Đức Phê	Trường Xuân	Trường Xuân	0 4262006614	-	-	-	-	-	1,7	-	-	-	-	6,800						

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú	
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm				
								Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi			
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	$21=11*8tr.đ+12*15tr.đ+13*20tr.đ+14*40tr.đ+15*60tr.đ+16*4tr.đ+17*7,5tr.đ+18*10tr.đ+19*20tr.đ+20*30tr.đ$		
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
36	Nguyễn Văn Quyết	Trường Xuân	Trường Xuân	042075003764	-	3,470	-	-	-	1,200	-	-	-	-	56,850		
37	Nguyễn Văn Hiền	Trường Xuân	Trường Xuân	042084017614	-	0,610	-	-	-	-	-	-	-	-	9,150		
38	Nguyễn Văn Khiêm	Trường Xuân	Trường Xuân	042083017815	-	1,400	-	-	-	-	-	-	-	-	21,000		
39	Nguyễn Văn Đình	Trường Xuân	Trường Xuân	042060003952	2,000	-	-	-	-	2,000	-	-	-	-	24,000		
40	Đặng Xuân Cảnh	Trường Xuân	Trường Xuân	042057010982	-	0,370	-	-	-	-	-	-	-	-	5,550		
41	Hoàng Mai	Trường Xuân	Trường Xuân	042072017086	-	1,790	-	-	-	-	-	-	-	-	26,850		
42	Lương Hữu Dũng	Trường Xuân	Trường Xuân	042086019123	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
43	Lương Ngọc lâm	Trường Xuân	Trường Xuân	042083007893	-	1,000	-	-	-	-	-	-	-	-	15,000		
44	Nguyễn Văn Thìn	Trường Xuân	Trường Xuân	042085018347	2,400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,200		
45	Đặng Thuyết	Trường Xuân	Trường Xuân	042084003940	-	1,630	-	-	-	-	-	-	-	-	24,450		
46	Nguyễn Trọng Kiên	Trường Xuân	Trường Xuân	042090021607	0,560	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,480		
47	Nguyễn Tiến Sỹ	Trường Xuân	Trường Xuân	42054002603	2,500	-	-	-	-	-	2,0	-	-	-	35,000		
48	Đặng Đình Diệu	Trường Xuân	Trường Xuân	42081015676	0,960	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,680		
49	Nguyễn Văn Đài	Trường Xuân	Trường Xuân	42069003333	0,250	1,500	-	-	-	-	-	-	-	-	24,500		
50	Nguyễn Tiến Đường	Trường Xuân	Trường Xuân	42069011974	-	3,000	-	-	-	-	1,54	-	-	-	56,550		
51	Nguyễn Đình Hồng	Trường Xuân	Trường Xuân	042082018234	0,690	0,570	-	-	-	-	-	-	-	-	14,070		
52	Nguyễn Văn Thiệp	Trường Xuân	Trường Xuân	042065005733	-	3,500	-	-	-	-	-	-	-	-	52,500		
53	Nguyễn Đình Diếp	Trường Xuân	Trường Xuân	042051004234	-	2,000	-	-	-	-	1,4	-	-	-	40,500		

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Thiết hại về Lâm nghiệp (Sau khi phúc tra)										Quyết định hỗ trợ	Ghi chú						
					Thiết hại về Lâm nghiệp mức trên 70% (Sau khi phúc tra)					Thiết hại về Lâm nghiệp mức từ 30%-70% (Sau khi phúc tra)							Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)					
										Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm					Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
													Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi							Nhóm cây sinh trưởng nhẹ, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi
					(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)									
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
90	Nguyễn Tiến Hải	Trường Xuân	Trường Xuân	042062010461	-	-	-	-	-	1,840	-	-	-	-	7,360							
91	Nguyễn Tiến Nam	Trường Xuân	Trường Xuân	042077003496	-	-	-	-	-	0,340	-	-	-	-	1,360							
92	Nguyễn Đức Đoài	Trường Xuân	Trường Xuân	042071010383	-	-	-	-	-	2,000	1,000	-	-	-	15,500							
93	Nguyễn Tiến Tân	Trường Xuân	Trường Xuân	042088006732	-	-	-	-	-	1,790	-	-	-	-	7,160							
94	Đặng Quốc Dễ	Trường Xuân	Trường Xuân	042065002937	-	-	-	-	-	0,72	-	-	-	-	2,880							
95	Trần Công Chương	Trường Xuân	Trường Xuân	042086003735	-	-	-	-	-	1,48	-	-	-	-	5,920							
96	Nguyễn Tiến Nghiệm	Trường Xuân	Trường Xuân	042064007736	-	-	-	-	-	-	2,4	-	-	-	18,000							
97	Nguyễn Văn Trường	Trường Xuân	Trường Xuân	042093017459	-	-	-	-	-	-	1,15	-	-	-	8,625							
98	Nguyễn Bá Quỳnh	Trường Xuân	Trường Xuân	0 42088013987	-	-	-	-	-	0,990	-	-	-	-	3,960							
99	Nguyễn Tiến Dợi	Trường Xuân	Trường Xuân	0 42071005284	-	-	-	-	-	-	0,7	-	-	-	5,250							
100	Nguyễn Đức Thái	Trường Xuân	Trường Xuân	0 42074011705	-	-	-	-	-	0,47	-	-	-	-	1,880							
101	Nguyễn Đình Dương	Trường Xuân	Trường Xuân	0 42063006479	-	-	-	-	-	1,0	-	-	-	-	4,000							
			Trường Xuân Total		77,390	81,440	-	-	-	15,490	5,700	-	-	-	2.123,715							
			Grand Total		543,932	1.486,893	-	0,180	-	213,475	143,641	-	-	-	28.788,800							

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ THỦY SẢN DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Số liệu thiệt hại thủy sản (Sau phúc tra)				Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
					(Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)	(100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại)	(Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)	14=11*60tr.đ+12 *30tr.đ+13*15tr. đ		
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn Siêm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	042159004189	-	-	0,100	1,500		
2	Nguyễn Văn Trường	Hồng Xuân	Hồng Xuân	042063003454		-	0,150	2,250		
3	Trần Tân Hợi	Hồng Xuân	Hồng Xuân	042071013217		-	0,035	0,525		
4	Trần Thị Phương	Hồng Xuân	Hồng Xuân	042185005389	-	-	-			
			Hồng Xuân Total		-	-	0,285	4,275		
1	Nguyễn Văn Bình	Xuân Sơn	Nam Sơn	042060009027	-	-	0,100	1,500		
			Nam Sơn Total		-	-	0,100	1,500		
1	Nguyễn Văn Chi	Đất Đỏ	Bắc Sơn	042081007928	-	-	0,050	0,750		
			Bắc Sơn Total		-	-	0,050	0,750		
1	Ngô Văn Vinh	Tây Xuân	Bắc Xuân	042040003963	0	0	0,100	1,500		
			Bắc Xuân Total		0	0	0,100	1,500		
1	Đinh Văn Trinh	Văn Sơn	Văn Lạc	042067008273	0	0	1,000	15,000		
2	Nguyễn Quang Khởi	Văn Lạc	Văn Lạc	042074017884	0	0	0,050	0,750		
3	Lương Lực	Đồng Văn	Văn Lạc	042055008195	0	0	0,480	7,200		
			Văn Lạc Total		0	0	1,530	22,950		
1	Trương Văn Phương	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042084013805		0	0,200	3,000		
2	Hoàng Trọng Lưu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042083010831		0	0,100	1,500		
3	Đặng Văn Hiếu	Đất Đỏ	Đất Đỏ	091084011470		0	0,040	0,600		
4	Bùi Đình Hợi	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042059009772		0	0,500	7,500		
5	Đinh Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042156007226		0	0,150	2,250		
6	Hồ Thị Thanh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042174006063		0	0,100	1,500		
7	Hoàng Văn Ný	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042054005778		0	0,100	1,500		
8	Hoàng Trọng Quỳnh	Đất Đỏ	Đất Đỏ	042081006806		0	0,100	1,500		
			Đất Đỏ Total		-	0	1,290	19,350		
1	Nguyễn Thị Hào	Văn Mỹ	Nam Mỹ Lợi	042159007723		0	0,030	0,450		
			Nam Mỹ Lợi Total		0	0	0,030	0,450		
1	Dương Văn Thân	Đồng Văn	Đại Đồng	042080007742	0	0	0,050	0,750		
2	Nguyễn Trung Kiên	Đồng Văn	Đại Đồng	042083019613	0		0,250	3,750		
3	Dương Văn Gia	Đồng Văn	Đại Đồng	042058010549		0	0,100	1,500		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ THỦY SẢN DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn cũ	CCCD chủ hộ	Số liệu thiệt hại thủy sản (Sau phúc tra)				Quyết định hỗ trợ	Ghi chú
					Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm)	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
					(Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)	(100m3 thể tích nuôi bị thiệt hại)	(Ha diện tích nuôi bị thiệt hại)	$14=11*60tr.đ+12*30tr.đ+13*15tr.đ$		
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn Siêm	Hồng Xuân	Hồng Xuân	042159004189	-	-	0,100	1,500		
			Đại Đồng Total		0	0	0,400	6,000		
1	Trần Xuân Cảnh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042057005150		-	0,087	1,311		
2	Nguyễn Xuân Linh	Văn Sơn	Mỹ Liên	042059005278			0,445	6,671		
			Mỹ Liên Total		-	-	0,532	7,982		
1	Nguyễn Thị Lại	Tây Xuân	Tây Xuân	042060013158		0	0,150	2,250		
			Tây Xuân Total		0	0	0,150	2,250		
			Grand Total		0	0	4,467	67,007		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BẢO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỲ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỶ VĂN

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CHĂN NUÔI DO BÃO SỐ 5 VÀ SỐ 10 TRÊN ĐỊA BÀN, XÃ KỶ VĂN, TỈNH HÀ TĨNH
(Đợt 1 đối với diện tích có GCNQSD đất và có đầy đủ căn cứ pháp lý)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Kỳ Văn)

T T	Họ tên chủ hộ	Thôn mới	Thôn củ	CCCD chủ hộ	Vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) (Sau nhúc tra)								Ong mật	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng) 19=11*0,022tr.đ+12*0,038tr.đ+13*0,004 tr.đ +14*0,008 tr.đ+15*0,55 tr.đ+16*1 tr.đ+17*3 tr.đ+18*0,4tr	Các minh chứng	Ghi chú
					Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)		Chim cút		Lợn		Lợn nái và lợn đực đang khai thác					
					Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	Đến 28 ngày tuổi	Trên 28 ngày tuổi	con	con				
1	2	3	4	5	11	12	13	14	15	16	17	18	19,000	20	21	
9	Hồ Văn Đồng	Tây Xuân	Tây Xuân	042070008538	30	20	0	0	0	0	0	0	1,420			
			Tây Xuân Total		74	235	0	0	0	0	0	0	10,558			
1	Nguyễn Tiến Lực	Trường Xuân	Trường Xuân	42089006149	-	300	-	-	-	-	-	-	11,400			
			Trường Xuân Total		-	300	-	-	-	-	-	-	11,400			
			Grand Total		2.035	5.510	-	30	-	3	-	15	262,290			

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỶ VĂN